VGP CHINHPHU.VN
Người ký: Cổng Thông tin điện tử Chính phủ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: Văn phòng Chính phủ
Thời gian ký: 10.03.2022 15:08:18 +07:00

Số 201 + 202 **Ngày 03 tháng 02 năm 2022**

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

QUỐC HỘI

11-01-2022 - Nghị quyết số 43/2022/QH15 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. 3

11-01-2022 - Nghị quyết số 44/2022/QH15 về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025. 15

11-01-2022 - Nghị quyết số 45/2022/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Cần Thơ 20

11-01-2022 - Nghị quyết số 46/2022/QH15 kỳ họp bất thường lần thứ nhất, Quốc hội khóa XV 27

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

18-01-2022 - Nghị quyết số 14/2022/UBTVQH15 điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022. 33

Trang

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

18-01-2022 - Quyết định số 01/2022/QĐ-TTg ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính. 35

(Đăng từ Công báo số 201 + 202 đến số 205 + 206)

VGP CHINHPHU.VN
Người ký: Cổng Thông tin điện tử Chính phủ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: Văn phòng Chính phủ
Thời gian ký: 10.03.2022 15:08:31 +07:00

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

QUỐC HỘI

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghị quyết số: 43/2022/QH15

NGHỊ QUYẾT
Về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số 02/TTr-CP ngày 02 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Báo cáo thẩm tra số 604/BC-UBKT15 ngày 03 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban Kinh tế, Báo cáo số 106/BC-UBTVQH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiếp thu, chỉnh lý, giải trình về dự thảo Nghị quyết về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, các tài liệu liên quan và ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quan điểm

1. Bám sát chủ trương, định hướng của Đảng, các nghị quyết của Quốc hội, kiên trì giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, nâng cao năng suất, chất lượng, năng lực cạnh tranh, tính tự chủ, khả năng chống chịu, thích ứng của nền kinh tế, đáp ứng kịp thời nhu cầu trước mắt và lâu dài, gắn kết chặt chẽ với Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm,

Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021 - 2025, Kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021 - 2025, Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và Chương trình phòng, chống dịch COVID-19.

2. Điều hành linh hoạt, phối hợp chặt chẽ, hài hòa, hiệu quả chính sách tài khóa, tiền tệ và các chính sách vĩ mô khác; kiểm soát chặt chẽ lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; chỉ tăng bội chi ngân sách nhà nước để tăng chi đầu tư phát triển và bảo đảm cân đối ngân sách nhà nước khi thực hiện giải pháp miễn, giảm thuế để hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (sau đây gọi là Chương trình).

3. Chính sách hỗ trợ Chương trình có quy mô, nguồn lực đủ lớn, tác động cả phía cung và phía cầu; có mục tiêu trọng tâm, trọng điểm, xác định đúng đối tượng cần hỗ trợ để giải quyết những vấn đề cấp bách, tránh dàn trải, lãng phí nguồn lực gắn với trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, người đứng đầu và cấp ủy, chính quyền các cấp.

4. Chính sách, giải pháp hỗ trợ phải khả thi, kịp thời, hiệu quả, thời gian thực hiện chủ yếu trong 2 năm 2022 và 2023 với lộ trình thích hợp để nâng cao năng lực phòng, chống dịch COVID-19, phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; nguồn lực đưa ra có khả năng giải ngân, hấp thụ nhanh.

5. Huy động, phân bổ và quản lý hiệu quả các nguồn lực; cân đối hợp lý giữa các vùng, miền, địa phương, lĩnh vực, đối tượng ưu tiên; dễ thực hiện, dễ kiểm tra, giám sát, đánh giá; chống tiêu cực, tham nhũng, lợi ích nhóm, trục lợi chính sách; bảo đảm hiệu quả, công bằng, công khai, minh bạch.

Điều 2. Mục tiêu, chỉ tiêu

1. Phục hồi, phát triển nhanh hoạt động sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy các động lực tăng trưởng, ưu tiên một số ngành, lĩnh vực quan trọng, phấn đấu đạt mục tiêu của giai đoạn 2021 - 2025: tăng trưởng GDP bình quân 6,5 - 7%/năm, chỉ tiêu nợ công dưới mức cảnh báo Quốc hội cho phép tại Nghị quyết số 23/2021/QH15, tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 4%; giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm các cân đối lớn trong trung hạn và dài hạn.

2. Tiết giảm chi phí, hỗ trợ dòng tiền, bảo đảm tính chủ động, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế và người dân.

3. Phòng, chống dịch COVID-19 hiệu quả; bảo đảm an sinh xã hội và đời sống của người dân, nhất là người lao động, người nghèo, người yếu thế, đối tượng chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh; bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Điều 3. Chính sách hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội

1. Chính sách tài khóa:

1.1. Chính sách miễn, giảm thuế:

a) Giảm 2% thuế suất thuế giá trị gia tăng trong năm 2022, áp dụng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 10% (còn 8%), trừ một số nhóm hàng hóa, dịch vụ sau: viễn thông, công nghệ thông tin, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, kim loại, sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, sản phẩm khai khoáng (không kể khai thác than), than cốc, dầu mỏ tinh chế, sản phẩm hóa chất, sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt;

b) Cho phép tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ của doanh nghiệp, tổ chức cho các hoạt động phòng, chống dịch COVID-19 tại Việt Nam cho kỳ tính thuế năm 2022.

1.2. Chính sách đầu tư phát triển:

Tăng chi đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước tối đa 176 nghìn tỷ đồng, tập trung trong 2 năm 2022 và 2023, bao gồm:

a) Về y tế:

Bố trí tối đa 14 nghìn tỷ đồng để đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống y tế cơ sở, y tế dự phòng, trung tâm kiểm soát bệnh tật cấp vùng, nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh của viện và bệnh viện cấp trung ương gắn với đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong lĩnh vực y tế, sản xuất vắc-xin trong nước và thuốc điều trị COVID-19;

b) Về an sinh xã hội, lao động, việc làm:

- Cấp cho Ngân hàng Chính sách Xã hội tối đa 5 nghìn tỷ đồng, bao gồm cấp bù lãi suất và phí quản lý 2 nghìn tỷ đồng để thực hiện chính sách cho vay ưu đãi thuộc Chương trình; hỗ trợ lãi suất tối đa 3 nghìn tỷ đồng cho đối tượng vay vốn

theo các chương trình tín dụng chính sách có lãi suất cho vay hiện hành trên 6%/năm;

- Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng và hiện đại hóa các cơ sở trợ giúp xã hội, đào tạo, dạy nghề, giải quyết việc làm tối đa 3,15 nghìn tỷ đồng;

c) Về hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh:

- Hỗ trợ lãi suất (2%/năm) tối đa 40 nghìn tỷ đồng thông qua hệ thống các ngân hàng thương mại cho một số ngành, lĩnh vực quan trọng, các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có khả năng trả nợ, có khả năng phục hồi; cho vay cải tạo chung cư cũ, xây dựng nhà ở xã hội, nhà cho công nhân mua, thuê và thuê mua;

- Cấp vốn điều lệ cho Quỹ Hỗ trợ phát triển du lịch tối đa 300 tỷ đồng;

d) Về đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng:

Bổ sung tối đa 113,55 nghìn tỷ đồng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước để phát triển kết cấu hạ tầng: giao thông, công nghệ thông tin, chuyển đổi số, phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển, bảo đảm an toàn hồ chứa nước, thích ứng biến đổi khí hậu, khắc phục hậu quả thiên tai;

đ) Việc lựa chọn và phân bổ vốn cho các dự án thuộc Chương trình phải bảo đảm giải ngân vốn của Chương trình trong 2 năm 2022 và 2023, và tuân thủ các nguyên tắc, tiêu chí sau đây:

- Ưu tiên phân bổ vốn cho các dự án quan trọng quốc gia, các dự án trong danh mục Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đang triển khai thực hiện, có khả năng hoàn thành sớm nhưng chưa được bố trí vốn hoặc chưa được bố trí đủ vốn;

- Trường hợp bố trí vốn cho các dự án nằm ngoài danh mục Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025: chỉ bố trí cho các dự án quan trọng, cấp thiết, có tác động lan tỏa, có khả năng giải ngân nhanh và hấp thụ ngay vào nền kinh tế, phù hợp với quy hoạch, sử dụng nguồn vốn hiệu quả, bảo đảm khả năng cân đối vốn để hoàn thành dự án trong giai đoạn 2022 - 2025; đối với một số dự án mới có ý nghĩa quan trọng với phát triển kinh tế - xã hội thì ưu tiên hỗ trợ giải phóng mặt bằng;

- Các dự án phải bảo đảm đủ thủ tục đầu tư theo quy định;

- Bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng, hài hòa giữa các vùng, miền, địa phương, lĩnh vực.

1.3. Chính sách tài khóa khác:

a) Hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động có quan hệ lao động, đang ở thuê, ở trọ, làm việc trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu vực kinh tế trọng điểm (sử dụng khoảng 6,6 nghìn tỷ đồng từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách trung ương năm 2021);

b) Tăng hạn mức bảo lãnh Chính phủ đối với trái phiếu phát hành trong nước cho Ngân hàng Chính sách Xã hội tối đa 38,4 nghìn tỷ đồng để cho vay hỗ trợ giải quyết việc làm; học sinh, sinh viên; các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập; cá nhân vay mua, thuê mua nhà ở xã hội, xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở theo chính sách về nhà ở xã hội; thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

2. Chính sách tiền tệ:

a) Điều hành đồng bộ, linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ để góp phần giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm an toàn hệ thống các tổ chức tín dụng, hỗ trợ tích cực cho phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; nghiên cứu để giữ ổn định tỷ lệ tối đa vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn, tính toán hợp lý tỷ lệ dự trữ bắt buộc, thực hiện nghiệp vụ thị trường mở, tái cấp vốn, chỉ đạo các tổ chức tín dụng tiếp tục tiết giảm chi phí hoạt động để phấn đấu giảm lãi suất cho vay khoảng 0,5% - 1% trong 2 năm 2022 và 2023, nhất là đối với lĩnh vực ưu tiên;

b) Tiếp tục cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ, miễn, giảm lãi vay đối với khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19, theo dõi sát diễn biến kinh tế, thị trường tiền tệ để có giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, người dân phù hợp, đồng thời bảo đảm an toàn hoạt động của hệ thống các tổ chức tín dụng;

c) Điều tiết thanh khoản phù hợp, tạo điều kiện đẩy nhanh tốc độ giải ngân cho các đối tượng thụ hưởng gói hỗ trợ lãi suất;

d) Điều tiết tiền tệ hợp lý, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát hành trái phiếu Chính phủ và để các tổ chức tín dụng tiếp tục đầu tư trái phiếu Chính phủ;

đ) Sử dụng tối đa 46 nghìn tỷ đồng từ các nguồn tài chính hợp pháp khác để nhập khẩu vắc - xin, thuốc điều trị và thiết bị, vật tư y tế phục vụ phòng, chống dịch COVID-19 trong trường hợp cần thiết;

e) Tiếp tục tái cấp vốn đối với Ngân hàng Chính sách Xã hội để cho người sử dụng lao động vay trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất cho người lao động, bảo đảm tính khả thi và tổ chức triển khai nhanh trong thực tế. Cân đối giải pháp về tiền tệ hỗ trợ Chương trình với tổng thể phương án cơ cấu lại các ngân hàng được kiểm soát đặc biệt.

3. Chính sách khác:

Áp dụng các chính sách khác để thực hiện Chương trình tập trung trong 2 năm 2022 và 2023, bao gồm:

a) Sử dụng khoảng 5 nghìn tỷ đồng từ Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam để phát triển hạ tầng viễn thông, internet, trong đó sử dụng 1 nghìn tỷ đồng để trang bị máy tính bảng thực hiện Chương trình "Sóng và máy tính cho em";

b) Giải quyết các vướng mắc trong quy định về nội dung chi và quản lý Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp; sử dụng khoảng 5 nghìn tỷ đồng để đổi mới công nghệ, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; giải mã công nghệ; mua thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cho đổi mới công nghệ, phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 4. Phương án huy động nguồn lực

1. Để có nguồn lực thực hiện các chính sách tài khóa hỗ trợ Chương trình, cho phép tăng bội chi ngân sách nhà nước trong 2 năm 2022 và 2023 bình quân 1% - 1,2% GDP/năm (tối đa 240 nghìn tỷ đồng), trong đó: năm 2022, tăng khoảng 1,1% GDP (tối đa 102,8 nghìn tỷ đồng) so với dự toán đã được Quốc hội quyết định; năm 2023, Chính phủ tổng hợp kế hoạch và dự toán ngân sách nhà

nước chung cho cả phần tăng thêm của Chương trình và của năm 2023, trình Quốc hội xem xét, quyết định theo quy định.

Nhu cầu nguồn lực cần được tính toán cụ thể trên cơ sở tận dụng tối đa các nguồn lực sẵn có, các nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách trung ương và khả năng giải ngân để xây dựng phương án huy động phù hợp từng thời điểm thông qua các công cụ sau đây:

a) Phát hành trái phiếu Chính phủ, bảo đảm nguyên tắc phối hợp chặt chẽ trong điều hành chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa và các chính sách vĩ mô khác, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, thị trường tài chính, tiền tệ và bảo đảm các cân đối lớn; phù hợp với khả năng trả nợ, giải ngân, khả năng hấp thụ của nền kinh tế, bảo đảm hiệu quả, tránh lãng phí. Ưu tiên phát hành trái phiếu Chính phủ trong nước bằng nội tệ, kỳ hạn phát hành bình quân có thể dưới 9 năm trong 2 năm 2022 và 2023. Trường hợp cần thiết phát hành bằng ngoại tệ, Chính phủ báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trước khi triển khai;

b) Vay hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vay ưu đãi nước ngoài theo hình thức hỗ trợ cân đối ngân sách;

c) Trong trường hợp cần thiết, Chính phủ báo cáo cấp có thẩm quyền cho phép vay từ các nguồn tài chính hợp pháp khác phù hợp và hoàn trả khi có nguồn trong kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước hằng năm hoặc các nguồn khác theo quy định; cho phép phát hành trực tiếp trái phiếu Chính phủ cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Đẩy mạnh các biện pháp khác để khai thác các nguồn lực, bao gồm:

a) Sử dụng tối đa, hiệu quả các nguồn lực trong các kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; tiết kiệm, tiết giảm tối đa các khoản chi, điều chỉnh linh hoạt giữa các nhiệm vụ, khoản mục chi trong phạm vi thẩm quyền. Quản lý chặt chẽ các nguồn thu, phấn đấu tăng thu, triệt để tiết kiệm chi ngân sách nhà nước; đẩy mạnh lộ trình cải cách thuế, chống thất thu, chuyển giá, trốn thuế, giảm tỷ lệ nợ đọng thuế; hiện đại hóa hệ thống thuế, hải quan, kho bạc nhà nước, triển khai hóa đơn điện tử, tận dụng các dư địa tăng thu ngân sách nhà nước, nhất là dư địa tăng thu đối với các giao dịch số xuyên biên giới và các dịch vụ trên nền tảng số đang được

cung cấp cho người tiêu dùng tại Việt Nam; triệt để thu hồi các khoản kinh phí chi thường xuyên chậm phân bổ, chậm triển khai;

b) Sử dụng linh hoạt các cơ chế, chính sách, công cụ phù hợp để huy động thêm nguồn lực thực hiện Chương trình; xây dựng phương án tăng thuế tiêu thụ đặc biệt đối với một số mặt hàng cần hạn chế tiêu dùng để kịp thời áp dụng trong thời gian thực hiện Chương trình; đẩy nhanh việc cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước, nguồn vốn từ tổ chức Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội; rà soát lại các quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước, năng lực đầu tư của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước để có kế hoạch huy động, sử dụng phù hợp; nghiên cứu có giải pháp huy động nguồn vốn ủy thác từ ngân sách địa phương cho Ngân hàng Chính sách Xã hội; quan tâm lồng ghép hiệu quả và đẩy nhanh giải ngân các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu hỗ trợ đầu tư y tế cơ sở tại các địa phương.

Điều 5. Áp dụng cơ chế đặc thù

1. Cho phép Thủ tướng Chính phủ, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định việc chỉ định thầu trong 2 năm 2022 và 2023 đối với các gói thầu tư vấn, gói thầu phục vụ di dời hạ tầng kỹ thuật, gói thầu thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng và tái định cư, gói thầu xây lắp của các dự án quan trọng quốc gia, các dự án hạ tầng quan trọng có quy mô lớn, cấp bách về hạ tầng giao thông và y tế thuộc Chương trình; các nhà thầu thực hiện các gói thầu quy định tại khoản này đến khi hoàn thành dự án. Trình tự, thủ tục thực hiện chỉ định thầu thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Trong 2 năm 2022 và 2023, nhà thầu thi công không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy phép khai thác mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường nằm trong Hồ sơ khảo sát vật liệu xây dựng phục vụ dự án hạ tầng giao thông quan trọng quốc gia thuộc Chương trình; việc khai thác mỏ khoáng sản quy định tại khoản này được thực hiện đến khi hoàn thành dự án. Nhà thầu thi công có trách nhiệm thực hiện đánh giá tác động môi trường; chịu sự quản lý, giám sát đối với việc khai thác, sử dụng khoáng sản; nộp thuế, phí và thực hiện các nghĩa vụ bảo vệ, cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Trong 2 năm 2022 và 2023, cho phép Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của địa phương có đủ năng lực, kinh nghiệm quản lý và có văn bản đề xuất làm cơ quan chủ quản thực hiện các đoạn tuyến đường cao tốc theo hình thức đầu tư công đi qua địa bàn thuộc Chương trình (trừ Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025 do Bộ Giao thông vận tải là cơ quan chủ quản thống nhất quản lý) trên cơ sở đã sử dụng tối đa năng lực của Bộ Giao thông vận tải. Cơ quan chủ quản quy định tại khoản này được thực hiện các đoạn tuyến đường cao tốc đến khi hoàn thành dự án.

Điều 6. Giao Chính phủ

1. Khẩn trương ban hành các giải pháp để thực hiện chính sách tài khóa, tiền tệ và các chính sách khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật để thực hiện Chương trình; hướng dẫn tổ chức thực hiện các cơ chế quy định tại Điều 5 của Nghị quyết này gắn với trách nhiệm cụ thể, bảo đảm không để xảy ra việc trục lợi chính sách, lợi ích nhóm, thất thoát, lãng phí.

2. Trong điều hành, chỉ đạo huy động, phân bổ, quản lý và sử dụng nguồn lực phải tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với tiến độ thực hiện, giải ngân của các dự án, nhiệm vụ chi thuộc Chương trình; theo dõi chặt chẽ các chỉ số vĩ mô để có giải pháp kịp thời bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, các cân đối lớn, trong đó đặc biệt chú trọng đến chỉ tiêu về lạm phát, nợ xấu; phấn đấu tăng thu, tiết kiệm chi; giảm bội chi để đạt được các chỉ tiêu trong Kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021 - 2025; trường hợp có biến động, rủi ro lớn, Chính phủ kịp thời báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định.

3. Chỉ đạo xây dựng phương án phân bổ dự toán ngân sách nhà nước và bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022 cho các chương trình, dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và các dự án thuộc Chương trình (bao gồm cả nội dung về Ngân hàng Chính sách Xã hội, Quỹ Hỗ trợ phát triển du lịch…); báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định phân bổ, giao bổ sung dự toán theo quy định trước khi Chính phủ phân bổ, giao bổ sung dự toán và bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022.

Chỉ đạo xây dựng phương án tăng vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận sau thuế, sau trích lập các quỹ giai đoạn 2021 - 2023 cho các ngân hàng thương mại cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ và từ nguồn ngân sách nhà nước đối với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Căn cứ các nguyên tắc, tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 3 của Nghị quyết này, khẩn trương rà soát, hoàn thiện danh mục các dự án sử dụng nguồn vốn của Chương trình, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến trước khi phân bổ vốn. Bảo đảm điều hòa nguồn vốn đầu tư công trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và nguồn vốn đầu tư công trong chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình để ưu tiên vốn cho các dự án trọng điểm, có tác dụng lan tỏa, liên kết vùng, thúc đẩy tăng trưởng, có khả năng hấp thụ vốn. Trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định bổ sung dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công năm 2022, trình Quốc hội xem xét, quyết định bổ sung dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công năm 2023 theo quy định để đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành giải ngân vốn của Chương trình trong 2 năm 2022 và 2023; bảo đảm nguồn vốn để triển khai, hoàn thành các dự án thành phần trong Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025.

5. Thực hiện đồng bộ, kịp thời, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của Chương trình. Trong quá trình điều hành, tiếp tục cân đối ngân sách trung ương để bổ sung nguồn lực thực hiện Chương trình phù hợp với điều kiện thực tế; kịp thời triển khai các giải pháp để huy động tối đa các nguồn lực hợp lý cho Chương trình.

6. Điều chỉnh linh hoạt giữa các nhiệm vụ chi của Chương trình theo quy định của pháp luật hiện hành đối với những nội dung thuộc thẩm quyền. Đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền của Quốc hội phải báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định; trường hợp cấp bách, trong thời gian giữa hai kỳ họp Quốc hội thì báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

7. Chủ động, khẩn trương ban hành và tổ chức thực hiện có hiệu quả, đồng bộ Chương trình phòng, chống dịch COVID-19 và các quy định có liên quan; cắt, giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; tập trung tháo gỡ các vướng mắc về cơ chế, chính sách, pháp luật liên quan đến

nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân; có chính sách đột phá, ưu tiên khuyến khích đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn gắn với phát triển bền vững.

8. Nghiên cứu phương án cho phép doanh nghiệp được trừ bổ sung theo tỷ lệ nhất định trên cơ sở chi phí thực tế khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp, áp dụng đối với chi phí tạo tài sản cố định và chi phí lao động; phương án tăng thuế đối với giao dịch chứng khoán, bất động sản, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

9. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn nội bộ ngay từ đầu để không xảy ra sai sót, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, nhất là trong bối cảnh bố trí nguồn lực lớn trong khoảng thời gian ngắn.

10. Chú trọng công tác thông tin, truyền thông, góp phần tạo sự đồng thuận xã hội, khơi dậy, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, hệ thống chính trị.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Chính phủ, các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương đề cao trách nhiệm, nhất là trách nhiệm người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức, triển khai thực hiện các nội dung, chính sách quy định tại Nghị quyết này, bảo đảm đúng quan điểm, mục tiêu, công khai, minh bạch, hiệu quả, khả thi và tiến độ; không để trục lợi chính sách, thất thoát, lãng phí.

2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Kiểm toán nhà nước tổ chức thực hiện kiểm toán hằng năm việc tổ chức thực hiện Chương trình, bảo đảm thực hiện nhanh, hiệu quả, công khai, minh bạch, chống tiêu cực, tham nhũng, lợi ích nhóm, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối các năm 2022, 2023 và kỳ họp giữa năm 2024.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 11 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023; riêng đối với chính sách tài khóa quy định tại các điểm 1.2 và 1.3 khoản 1 Điều 3 của Nghị quyết này được áp dụng cho năm ngân sách 2022 và 2023.

2. Chính phủ hướng dẫn, tổ chức thực hiện Nghị quyết này; báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối các năm 2022 và 2023, báo cáo tổng kết tại kỳ họp giữa năm 2024.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp bất thường lần thứ nhất thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Vương Đình Huệ

VGP CHINHPHU.VN
Người ký: Cổng Thông tin điện tử Chính phủ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: Văn phòng Chính phủ
Thời gian ký: 10.03.2022 15:08:44 +07:00

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghị quyết số: 44/2022/QH15

NGHỊ QUYẾT
Về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14 và Luật số 72/2020/QH14;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;

Sau khi xem xét Tờ trình số 568/TTr-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ, Báo cáo thẩm tra số 602/BC-UBKT15 ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban Kinh tế của Quốc hội, Báo cáo số 105/BC-UBTVQH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Nghị quyết về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025, các tài liệu liên quan và ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1

Quyết định chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây gọi là Dự án), gồm các đoạn từ Bãi Vọt (Hà Tĩnh) đến Cam Lộ (Quảng Trị), từ Quảng Ngãi đến Nha Trang (Khánh Hòa) và từ Cần Thơ đến Cà Mau.

Điều 2

1. Mục tiêu:

Hoàn thành đưa vào khai thác đồng bộ tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông; kết nối các trung tâm kinh tế, chính trị, các khu kinh tế, khu công nghiệp trọng yếu, đặc biệt là các vùng kinh tế trọng điểm; từng bước hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ với các công trình hiện đại, tạo sức lan tỏa cao để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng - an ninh; góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đề ra.

2. Phạm vi, quy mô, hình thức đầu tư:

Đầu tư khoảng 729 km, chia thành 12 dự án thành phần vận hành độc lập theo hình thức đầu tư công, quy mô đầu tư của từng dự án thành phần chi tiết tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền thẩm định và quyết định đầu tư các dự án thành phần được thực hiện tương tự như đối với dự án nhóm A theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

3. Công nghệ:

Dự án áp dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại, bảo đảm yêu cầu an toàn, đồng bộ, chất lượng và hiệu quả. Khuyến khích ứng dụng công nghệ cao trong tổ chức thi công, thích ứng với biến đổi khí hậu. Thực hiện hình thức thu phí tự động không dừng trong khai thác, vận hành.

4. Nhu cầu sử dụng đất và phương án giải phóng mặt bằng:

Sơ bộ nhu cầu sử dụng đất của Dự án khoảng 5.481 ha, trong đó đất trồng lúa nước từ hai vụ trở lên khoảng 1.532 ha, đất rừng phòng hộ khoảng 110 ha, đất rừng sản xuất khoảng 1.436 ha. Giải phóng mặt bằng các dự án thành phần theo quy mô 06 làn xe, riêng đối với các dự án thành phần Cần Thơ - Hậu Giang và Hậu Giang - Cà Mau giải phóng mặt bằng theo quy mô 04 làn xe.

5. Sơ bộ tổng mức đầu tư và nguồn vốn:

Sơ bộ tổng mức đầu tư của Dự án là 146.990 tỷ đồng *(một trăm bốn mươi sáu nghìn chín trăm chín mươi tỷ đồng)*, trong đó:

- Giai đoạn 2021 - 2025 bố trí 119.666 tỷ đồng *(một trăm mười chín nghìn sáu trăm sáu mươi sáu tỷ đồng)* cân đối điều hòa từ nguồn vốn ngân sách nhà nước trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và nguồn vốn ngân sách nhà nước để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

- Giai đoạn 2026 - 2030 bố trí 27.324 tỷ đồng *(hai mươi bảy nghìn ba trăm hai mươi bốn tỷ đồng)*.

6. Tiến độ thực hiện:

Chuẩn bị đầu tư, thực hiện Dự án từ năm 2021, cơ bản hoàn thành năm 2025 và đưa vào khai thác, vận hành từ năm 2026.

Điều 3

Giao Chính phủ tổ chức thực hiện các nội dung sau đây:

1. Triển khai tổ chức thực hiện, quản lý và khai thác, vận hành Dự án theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tiến độ, chất lượng công trình. Quản lý, sử dụng vốn và các nguồn lực tiết kiệm, hiệu quả, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Rà soát, hoàn thiện quy định pháp luật về hình thức thu phí tự động không dừng; xây dựng phương án, tổ chức thực hiện thu hồi vốn đầu tư Dự án để hoàn trả vào ngân sách trung ương;

2. Hoàn chỉnh hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất rừng và đất trồng lúa nước từ hai vụ trở lên của Dự án, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định chủ trương trước khi quyết định đầu tư dự án;

3. Việc triển khai, thực hiện Dự án được áp dụng cơ chế đặc thù quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

4. Lãnh đạo, chỉ đạo việc triển khai thực hiện Nghị quyết này, bảo đảm đúng mục tiêu, công khai, minh bạch và hiệu quả, không để trục lợi chính sách, thất thoát, lãng phí; hằng năm báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm về tình hình thực

hiện Dự án; thông tin đầy đủ để người dân hiểu, đồng thuận về chủ trương đầu tư và hỗ trợ triển khai Dự án.

Điều 4

1. Kiểm toán nhà nước, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, kiểm toán việc thực hiện Nghị quyết này.

2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban Kinh tế, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban khác của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp bất thường lần thứ nhất thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Vương Đình Huệ

PHỤ LỤC

Danh mục các dự án thành phần thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022)

TT	Tên dự án	Chiều dài dự kiến (km)	Quy mô		Sơ bộ tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Hình thức đầu tư
			Số làn xe	Cấp đường ô tô cao tốc		
1	Bãi Vọt - Hàm Nghi	36	4	80 - 120	7.403	Đầu tư công
2	Hàm Nghi - Vũng Áng	54	4	80 - 120	10.185	Đầu tư công
3	Vũng Áng - Bùng	58	4	80 - 120	11.785	Đầu tư công
4	Bùng - Vạn Ninh	51	4	80 - 120	10.526	Đầu tư công
5	Vạn Ninh - Cam Lộ	68	4	80 - 120	10.591	Đầu tư công
6	Quảng Ngãi - Hoài Nhơn	88	4	80 - 120	20.898	Đầu tư công
7	Hoài Nhơn - Quy Nhơn	69	4	80 - 120	12.544	Đầu tư công
8	Quy Nhơn - Chí Thạnh	62	4	80 - 120	12.298	Đầu tư công
9	Chí Thạnh - Vân Phong	51	4	80 - 120	10.601	Đầu tư công
10	Vân Phong - Nha Trang	83	4	80 - 120	12.906	Đầu tư công
11	Cần Thơ - Hậu Giang	37	4	80 - 120	9.768	Đầu tư công
12	Hậu Giang - Cà Mau	72	4	80 - 120	17.485	Đầu tư công
Tổng cộng		**729**			**146.990**	

VGP CHINHPHU.VN
Người ký: Cổng Thông tin điện tử Chính phủ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: Văn phòng Chính phủ
Thời gian ký: 10.03.2022 15:08:57 +07:00

QUỐC HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghị quyết số: 45/2022/QH15

NGHỊ QUYẾT
Về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Cần Thơ

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 63/2020/QH14;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù đối với thành phố Cần Thơ (sau đây gọi là Thành phố) về quản lý tài chính, ngân sách nhà nước; phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai, quy hoạch; thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức thuộc Thành phố quản lý; chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đối với dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm luồng hàng hải Định An - Cần Thơ và Trung tâm liên kết, sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp vùng Đồng bằng sông Cửu Long tại Cần Thơ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước; tổ chức chính trị; tổ chức chính trị - xã hội.

2. Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội; tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Quản lý tài chính, ngân sách nhà nước

1. Thành phố được vay thông qua phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ các tổ chức tài chính trong nước, các tổ chức khác trong nước và từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ vay về cho Thành phố vay lại với tổng mức dư nợ vay không vượt quá 60% số thu ngân sách Thành phố được hưởng theo phân cấp. Tổng mức vay và bội chi ngân sách Thành phố hằng năm do Quốc hội quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Hằng năm, ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách Thành phố không quá 70% số tăng thu ngân sách trung ương từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách Thành phố so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao (phần còn lại sau khi thực hiện thưởng vượt thu theo quy định tại khoản 4 Điều 59 của Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 59/2020/QH14) và các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100% quy định tại các điểm b, c, d, g, h, i, và q khoản 1 Điều 35 của Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 59/2020/QH14 so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao, nhưng không vượt quá tổng số tăng thu ngân sách trung ương trên địa bàn so với thực hiện thu năm trước và ngân sách trung ương không hụt thu. Việc xác định số bổ sung có mục tiêu trên cơ sở tổng các khoản thu, không tính riêng từng khoản thu.

3. Thí điểm thực hiện chính sách phí, lệ phí trên địa bàn Thành phố như sau:

a) Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định áp dụng phí, lệ phí chưa được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí; điều chỉnh mức hoặc tỷ lệ thu phí, lệ phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định đối với các loại phí, lệ phí được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí, trừ án phí, lệ phí Tòa án;

b) Ngân sách Thành phố được hưởng 100% số thu tăng thêm từ các khoản thu do việc điều chỉnh chính sách phí, lệ phí quy định tại điểm a khoản này để đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội và các nhiệm vụ chi khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách Thành phố và không dùng để xác định tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách Trung ương và ngân sách Thành phố;

c) Việc thí điểm thực hiện chính sách phí, lệ phí trên địa bàn Thành phố quy định tại điểm a khoản này phải tuân thủ các nguyên tắc: bảo đảm có lộ trình, phù hợp với khả năng và yêu cầu phát triển của Thành phố; tạo môi trường sản xuất, kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp, nhất là đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, ngành, nghề ưu đãi đầu tư; không gây ra tiêu cực, ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; bảo đảm sự thống nhất của thị trường, không cản trở lưu thông hàng hóa, dịch vụ; thực hiện điều tiết hợp lý đối với một số hàng hóa, dịch vụ và nguồn thu nhập hợp pháp của tổ chức, cá nhân trên địa bàn Thành phố; bảo đảm công khai, minh bạch, cải cách hành chính nhà nước.

Điều 4. Quản lý đất đai

1. Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên với quy mô dưới 500 ha theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

Việc ủy quyền phải quy định rõ trách nhiệm của người ủy quyền và cơ quan được ủy quyền, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả, tránh tiêu cực, thất thoát, lãng phí.

2. Việc quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa quy định tại khoản 1 Điều này phải thực hiện công khai, lấy ý kiến người dân, đối tượng chịu sự tác động của việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất và bảo đảm nguyên tắc, điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Hội đồng nhân dân Thành phố quy định tại khoản 1 Điều này do Thủ tướng Chính phủ quy định.

Điều 5. Quản lý quy hoạch

Trên cơ sở đồ án quy hoạch xây dựng khu chức năng, quy hoạch đô thị Thành phố đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Thủ tướng Chính phủ quyết định việc phân cấp cho Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện phê duyệt điều chỉnh cục

bộ quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị theo trình tự, thủ tục do Thủ tướng Chính phủ quy định và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.

Điều 6. Thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức thuộc Thành phố quản lý

Thành phố thực hiện cơ chế tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo quy định. Sau khi ngân sách Thành phố bảo đảm đủ nguồn thực hiện cải cách tiền lương và các chính sách an sinh xã hội cho cả thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định của cấp có thẩm quyền, Hội đồng nhân dân Thành phố được quyết định sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư của ngân sách Thành phố và cho phép ngân sách cấp dưới sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể do Thành phố quản lý theo hiệu quả công việc với mức không quá 0,8 lần mức lương ngạch bậc, chức vụ hoặc mức lương theo vị trí việc làm, chức danh, chức vụ lãnh đạo. Mức thu nhập cho các chuyên gia, nhà khoa học, những trí thức có trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ cao của Thành phố do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định.

Việc sử dụng nguồn cải cách tiền lương chi thu nhập tăng thêm quy định tại Điều này chỉ được thực hiện khi Thành phố tự cân đối được ngân sách.

Điều 7. Nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm luồng hàng hải Định An - Cần Thơ

1. Các dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm luồng hàng hải Định An - Cần Thơ theo phương thức xã hội hóa, đáp ứng các điều kiện: bảo đảm chuẩn tắc luồng hàng hải cho tàu có trọng tải từ 10.000 tấn trở lên ra vào các cảng của Thành phố và có quy mô vốn từ 500 tỷ đồng trở lên được áp dụng hình thức ưu đãi đầu tư sau đây:

a) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm luồng hàng hải Định An - Cần Thơ được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong thời gian 15 năm, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

Thời gian bắt đầu hưởng ưu đãi, điều kiện áp dụng ưu đãi thuế, thu nhập được hưởng ưu đãi quy định tại điểm này thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp;

b) Miễn tiền thuê đất trong 15 năm và giảm 50% tiền thuê đất cho thời gian còn lại đối với diện tích đất được thuê để đổ chất nạo vét của dự án.

2. Việc thực hiện các dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm luồng hàng hải Định An - Cần Thơ phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 8. Trung tâm liên kết, sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp vùng Đồng bằng sông Cửu Long tại Cần Thơ

1. Trung tâm liên kết, sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp vùng Đồng bằng sông Cửu Long tại Cần Thơ (sau đây gọi là Trung tâm) là khu vực có ranh giới địa lý xác định được Thủ tướng Chính phủ thành lập phù hợp với các quy hoạch có liên quan, để thu hút dự án đầu tư trong các lĩnh vực nghiên cứu, ứng dụng công nghệ, sản xuất, chế biến và cung ứng dịch vụ, xuất khẩu nông sản, thủy sản.

Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Trung tâm.

2. Doanh nghiệp có dự án đầu tư tại Trung tâm được hưởng chế độ ưu tiên về thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan và thủ tục về thuế theo quy định của pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của Trung tâm khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Tuân thủ pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế trong 02 năm liên tục;

b) Thực hiện thủ tục hải quan điện tử, thủ tục thuế điện tử; có chương trình công nghệ thông tin quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp nối mạng với cơ quan hải quan;

c) Thực hiện thanh toán qua ngân hàng;

d) Có hệ thống kiểm soát nội bộ;

đ) Chấp hành tốt quy định của pháp luật về kế toán, kiểm toán.

3. Dự án đầu tư tại Trung tâm được áp dụng hình thức ưu đãi đầu tư sau đây:

a) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư tại Trung tâm được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong thời gian 15 năm, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

Thời gian bắt đầu hưởng ưu đãi, điều kiện áp dụng ưu đãi thuế, thu nhập được hưởng ưu đãi quy định tại điểm này thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

b) Miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản tối đa không quá 03 năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất; sau thời gian miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản, được miễn tiền thuê đất 15 năm và giảm 50% tiền thuê đất trong 07 năm tiếp theo.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này; sơ kết 03 năm việc thực hiện Nghị quyết, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm 2024; tổng kết việc thực hiện Nghị quyết, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm 2026.

2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Cần Thơ và đại biểu Quốc hội, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2022 và được thực hiện trong 05 năm.

2. Các dự án quy định tại khoản 1 Điều 7 của Nghị quyết này được ký kết hợp đồng triển khai dự án trong thời gian Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định tại Điều 7 của Nghị quyết này cho đến hết thời gian thực hiện dự án; các doanh nghiệp thực hiện các dự án này cần thực hiện đúng cam kết hợp đồng theo quy định pháp luật và không được chuyển nhượng dự án.

Trường hợp dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm luồng hàng hải Định An - Cần Thơ đã được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định tại Điều 7 của Nghị quyết này, quá trình thực hiện không đáp ứng các điều kiện hoặc không tiếp tục triển khai phương thức xã hội hóa quy định tại khoản 1 Điều 7 của Nghị quyết này thì không tiếp tục được hưởng ưu đãi theo quy định tại Điều 7 của Nghị quyết này.

Các dự án đầu tư quy định tại Điều 8 của Nghị quyết này được chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong thời gian Nghị quyết này có hiệu lực thi hành được hưởng ưu đãi đầu tư quy định tại khoản 3 Điều 8 của Nghị quyết này.

3. Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa Nghị quyết này với luật, nghị quyết khác của Quốc hội thì áp dụng theo quy định của Nghị quyết này. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành có quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hoặc thuận lợi hơn Nghị quyết này thì việc áp dụng do Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp bất thường lần thứ nhất thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Vương Đình Huệ

VGP CHINHPHU.VN
Người ký: Cổng Thông tin điện tử Chính phủ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: Văn phòng Chính phủ
Thời gian ký: 10.03.2022 15:09:41 +07:00

QUỐC HỘI

Nghị quyết số: 46/2022/QH15

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ QUYẾT
Kỳ họp bất thường lần thứ nhất, Quốc hội khóa XV

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14;

Căn cứ kết quả kỳ họp bất thường lần thứ nhất, Quốc hội khóa XV từ ngày 04 đến ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Theo đề nghị của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội,

QUYẾT NGHỊ:

1. Quốc hội đã hoàn thành toàn bộ chương trình kỳ họp bất thường lần thứ nhất với tinh thần khẩn trương, nghiêm túc, đoàn kết, trí tuệ. Kết quả kỳ họp thể hiện sự tích cực, chủ động, trách nhiệm cao của Quốc hội trước đòi hỏi của thực tiễn đất nước và mong muốn, nguyện vọng của người dân, doanh nghiệp; sự phối hợp chặt chẽ của Chính phủ và phối hợp chuẩn bị từ sớm của các cơ quan của Quốc hội trong việc chuẩn bị kỳ họp; khẳng định Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các cơ quan, tổ chức hữu quan luôn thường xuyên lắng nghe ý kiến của cử tri và Nhân dân, không ngừng nỗ lực, quyết tâm đổi mới, kiến tạo để phát triển nhằm kịp thời có những quyết sách quan trọng, giải quyết hiệu quả các vấn đề thực tiễn đặt ra, khẩn trương tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, góp phần phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và phòng, chống dịch COVID-19.

Tại kỳ họp, Quốc hội đã xem xét, quyết định các nội dung sau đây:

1.1. Thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự.

1.2. Thông qua 04 nghị quyết: Nghị quyết về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; Nghị quyết về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Cần Thơ và Nghị quyết kỳ họp bất thường lần thứ nhất, Quốc hội khóa XV.

2. Quốc hội ghi nhận và biểu dương sự nỗ lực, quyết tâm, đổi mới sáng tạo của các cấp, các ngành, các tổ chức đoàn thể từ trung ương đến địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và người dân về những kết quả đạt được trong duy trì, phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội thời gian qua. Nhiều cơ chế, chính sách, giải pháp được ban hành kịp thời, phát huy hiệu quả tích cực, góp phần quan trọng ổn định kinh tế vĩ mô, giảm thiểu tác động của dịch bệnh, bảo đảm an sinh xã hội; tạo nền tảng quan trọng cho quá trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội gắn với kiểm soát dịch bệnh. Tuy nhiên, nước ta đang phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, tăng trưởng kinh tế ở mức thấp, hoạt động sản xuất, kinh doanh, việc làm, đời sống của người dân bị ảnh hưởng nặng nề.

Quốc hội yêu cầu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các cấp, các ngành, các địa phương cần tiếp tục thực hiện và ban hành theo thẩm quyền các chính sách, giải pháp kịp thời, khả thi, hiệu quả nhằm bảo đảm thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra, trong đó tập trung một số nhiệm vụ sau:

2.1. Tiếp tục triển khai thi hành các luật, nghị quyết đã được Quốc hội thông qua, nhất là các nghị quyết 05 năm, hằng năm về phát triển kinh tế - xã hội cùng với việc khẩn trương tổ chức thực hiện Nghị quyết về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm sự gắn kết tổng thể, thống nhất, đồng bộ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong ngắn hạn và dài hạn;

2.2. Khẩn trương ban hành Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội với quy mô đủ lớn, kịp thời, phù hợp, có sức lan tỏa lớn, tạo sự đột phá để giúp nền kinh tế sớm vượt qua khó khăn, tránh suy giảm các động lực tăng trưởng trong dài hạn và tạo nền tảng cho sự phát triển cả giai đoạn 2021 - 2025 cũng như các năm tiếp theo; lấy doanh nghiệp và người dân làm trung tâm trong từng quyết sách được ban hành;

2.3. Triển khai thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội với các giải pháp bảo đảm tính khả thi, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm, xác định rõ các thứ tự ưu tiên, cơ chế đặc thù, phân nhóm nội dung cụ thể, có sự tiếp nối, kế thừa, có sức lan tỏa, dễ thực hiện, kiểm tra, giám sát và đánh giá; trong đó, tập trung các giải pháp về: hỗ trợ phục hồi sản xuất, kinh doanh; phát triển kết cấu hạ tầng; bảo đảm an sinh xã hội và hỗ trợ việc làm; hoàn thiện cơ chế, chính sách, cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực quản trị xã hội, quản lý nhà nước.

3. Quốc hội đánh giá cao kết quả đạt được trong công tác phòng, chống dịch COVID-19 thời gian qua; cả hệ thống chính trị đã có nhiều nỗ lực, chung sức, đồng lòng, kiên trì thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch. Căn cứ Nghị quyết số 30/2021/QH15 của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã kịp thời ban hành nhiều nghị quyết, quyết định, chỉ đạo các cấp, các ngành, địa phương khẩn trương triển khai những biện pháp, giải pháp thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh. Tuy nhiên, công tác phòng, chống dịch vẫn còn những hạn chế nhất định, đã xảy ra một số sai phạm nghiêm trọng, đặc biệt là trong việc mua sắm trang thiết bị, vật tư y tế, gây bức xúc trong dư luận, tác động tiêu cực nhiều mặt đến đời sống kinh tế - xã hội, làm suy giảm niềm tin của Nhân dân đối với chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về phòng, chống dịch và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Việt Nam đã bắt đầu ghi nhận các ca bệnh nhiễm biến thể Omicron. Trong thời gian tới, dự báo dịch COVID-19 còn tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, có thể sẽ tiếp tục xuất hiện nhiều chuỗi lây nhiễm mới, biến thể khác, tiềm ẩn nguy cơ lây lan nhanh, trên diện rộng trong cộng đồng, tạo ra những thách thức rất lớn đối với

hệ thống y tế, tác động đến quá trình phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Quốc hội yêu cầu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các cấp, các ngành, các địa phương thực hiện tốt một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

3.1. Tiếp tục cụ thể hóa và thực hiện hiệu quả các chính sách, nhiệm vụ, giải pháp để kịp thời đáp ứng yêu cầu phòng, chống dịch COVID-19 đã được quyết định tại Nghị quyết số 30/2021/QH15, Nghị quyết số 42/2021/QH15 của Quốc hội, Nghị quyết số 268/NQ-UBTVQH15, Nghị quyết số 12/2021/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các nghị quyết khác có liên quan. Tập trung nghiên cứu, rà soát, kịp thời sửa đổi hoặc kiến nghị sửa đổi các quy định của pháp luật liên quan đến phòng, chống dịch;

3.2. Khẩn trương ban hành, chủ động quyết liệt chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình phòng, chống dịch COVID-19 (2022 – 2023) nhằm bảo đảm vừa kiểm soát hiệu quả dịch bệnh, vừa phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội và cải thiện, nâng cao đời sống của Nhân dân trong trạng thái bình thường mới; đặt sức khỏe, tính mạng người dân lên trên hết, trước hết. Tiếp tục thực hiện xã hội hóa nguồn lực phòng, chống dịch, có các biện pháp thích hợp vào từng thời điểm, huy động các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân tham gia chăm sóc và điều trị người nhiễm COVID-19;

3.3. Tiếp tục theo dõi sát sao, chủ động nắm chắc, dự báo diễn biến của dịch; tuyệt đối không chủ quan, không để bị động, bất ngờ trong ứng phó với biến thể Omicron và các biến thể mới; khẩn trương hoàn thành việc tiêm vắc xin phòng COVID-19 theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế Thế giới và phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam; đẩy nhanh lộ trình tiêm mũi tăng cường cho người từ 18 tuổi trở lên; nghiên cứu kỹ lưỡng và có lộ trình phù hợp, khoa học để tiêm vắc xin cho người dưới 18 tuổi, nhất là trẻ em. Bảo đảm tất cả người nhiễm COVID-19 đều được quản lý, theo dõi, chăm sóc y tế phù hợp và tất cả bệnh nhân COVID-19 được tiếp cận các dịch vụ y tế nhanh nhất, sớm nhất;

3.4. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước, đặc biệt là trách nhiệm quản lý của ngành y tế trong lĩnh vực dược và trang thiết bị y tế; tăng cường kiểm soát chặt chẽ

việc mua sắm công và thanh tra, kiểm tra, giám định, kiểm định chất lượng thuốc, trang thiết bị, vật tư y tế. Chủ động phát hiện sớm các vi phạm, hành vi lợi dụng dịch bệnh để trục lợi. Tập trung, khẩn trương, quyết liệt mở rộng điều tra, làm rõ việc giao nhiệm vụ, nghiên cứu, nghiệm thu, chuyển giao, cấp phép lưu hành, hiệp thương giá, tổ chức sản xuất, chất lượng sản phẩm, mua bán kit xét nghiệm COVID-19 và các vi phạm pháp luật khác (nếu có) liên quan đến Công ty Việt Á; xử lý nghiêm minh các tổ chức, cá nhân vi phạm, không có vùng cấm, không có ngoại lệ, không chịu bất kỳ sức ép và sự can thiệp trái pháp luật nào.

4. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương, chú trọng hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra, siết chặt kỷ luật, kỷ cương, đề cao đạo đức công vụ, cá thể hóa trách nhiệm, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu liên quan đến tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách trong việc phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội và phòng, chống dịch bệnh, không để xảy ra sai sót, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông nhằm phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, đề cao tính tự giác, tích cực, chủ động, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân, cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp trong tổ chức thực hiện.

5. Kiểm toán nhà nước xây dựng kế hoạch, thực hiện kiểm toán định kỳ và khi kết thúc chương trình, dự án đối với việc huy động, sử dụng các nguồn lực trong thực hiện nhiệm vụ phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội và phòng, chống dịch bệnh; đánh giá việc thực hiện các cơ chế, chính sách, giải pháp và kịp thời báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

6. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các cơ quan có liên quan, theo nhiệm vụ đã phân công, khẩn trương chuẩn bị các nội dung thuộc Chương trình kỳ họp thứ 3 của Quốc hội bảo đảm chất lượng, theo đúng tiến độ quy định; siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong xây dựng pháp luật; triển khai thực hiện có hiệu quả Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV; bám sát tình hình thực tiễn để kịp thời đề xuất, kiến nghị Quốc hội xem xét, quyết định những vấn đề quan trọng, cấp thiết.

7. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Quốc hội. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên giám sát, động viên các tầng lớp Nhân dân thực hiện các nghị quyết của Quốc hội.

Quốc hội kêu gọi cả hệ thống chính trị và Nhân dân cả nước, đồng bào ta ở nước ngoài đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động, quyết tâm nỗ lực vượt mọi khó khăn để đẩy lùi dịch bệnh, phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp bất thường lần thứ nhất thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Vương Đình Huệ

VGP CHINHPHU.VN
Người ký: Cổng Thông tin điện tử Chính phủ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: Văn phòng Chính phủ
Thời gian ký: 10.03.2022 15:10:42 +07:00

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghị quyết số: 14/2022/UBTVQH15

NGHỊ QUYẾT
Điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 63/2020/QH14;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022

Bổ sung vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022 dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm mô hình tổ chức hoạt động lao động, hướng nghiệp, dạy nghề cho phạm nhân ngoài trại giam để trình Quốc hội xem xét, thông qua tại kỳ họp thứ 3 (tháng 5/2022) theo quy trình tại một kỳ họp.

Điều 2. Phân công cơ quan trình, cơ quan thẩm tra, cơ quan tham gia thẩm tra dự thảo Nghị quyết

Phân công Chính phủ trình; Ủy ban Tư pháp của Quốc hội chủ trì thẩm tra; Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban khác của Quốc hội tham gia thẩm tra dự thảo Nghị

quyết của Quốc hội về thí điểm mô hình tổ chức hoạt động lao động, hướng nghiệp, dạy nghề cho phạm nhân ngoài trại giam.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua.

Nghị quyết này được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, phiên họp thứ 07 thông qua ngày 18 tháng 01 năm 2022.

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH

Vương Đình Huệ

VGP CHINHPHU.VN
Người ký: Cổng Thông tin điện tử Chính phủ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: Văn phòng Chính phủ
Thời gian ký: 10.03.2022 15:10:52 +07:00

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2022/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 1. Ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính, bao gồm:

1. Danh mục lĩnh vực phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính tại Phụ lục I;

2. Danh mục các cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính thuộc ngành công thương tại Phụ lục II;

3. Danh mục các cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính thuộc ngành giao thông vận tải tại Phụ lục III;

4. Danh mục các cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính thuộc ngành xây dựng tại Phụ lục IV;

5. Danh mục các cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính thuộc ngành tài nguyên và môi trường tại Phụ lục V.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ: Công Thương, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ quy định của Luật Bảo vệ môi trường, rà soát danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định cập nhật danh mục theo quy định.

2. Các cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính quy định tại Điều 1 chủ động cung cấp thông tin liên quan gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì rà soát tổng lượng tiêu thụ năng lượng, công suất hoạt động; trên cơ sở đó, Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc điều chỉnh, cập nhật vào danh mục.

3. Bộ trưởng các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác, thống nhất, công bằng, minh bạch trong việc cập nhật, điều chỉnh danh mục phù hợp với cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia, phù hợp với điều kiện và tình hình phát triển kinh tế, xã hội và tạo thuận lợi cho các tổ chức, doanh nghiệp thực hiện.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 18 tháng 01 năm 2022.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, người đại diện theo pháp luật của các cơ sở thuộc danh mục cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Lê Văn Thành

Phụ lục I

DANH MỤC LĨNH VỰC PHẢI THỰC HIỆN KIỂM KÊ KHÍ NHÀ KÍNH

(Kèm theo Quyết định số 01/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Lĩnh vực phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính
I	**Năng lượng**
1	Công nghiệp sản xuất năng lượng
2	Tiêu thụ năng lượng trong công nghiệp, thương mại, dịch vụ và dân dụng
3	Khai thác than
4	Khai thác dầu và khí tự nhiên
II	**Giao thông vận tải**
1	Tiêu thụ năng lượng trong giao thông vận tải
III	**Xây dựng**
1	Tiêu thụ năng lượng trong ngành xây dựng
2	Các quá trình công nghiệp trong sản xuất vật liệu xây dựng
IV	**Các quá trình công nghiệp**
1	Sản xuất hóa chất
2	Luyện kim
3	Công nghiệp điện tử
4	Sử dụng sản phẩm thay thế cho các chất làm suy giảm tầng ô-dôn
5	Sản xuất và sử dụng các sản phẩm công nghiệp khác
V	**Nông nghiệp, lâm nghiệp và sử dụng đất**
1	Chăn nuôi
2	Lâm nghiệp và thay đổi sử dụng đất
3	Trồng trọt
4	Tiêu thụ năng lượng trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản
5	Các nguồn phát thải khác trong nông nghiệp
VI	**Chất thải**
1	Bãi chôn lấp chất thải rắn
2	Xử lý chất thải rắn bằng phương pháp sinh học
3	Thiêu đốt và đốt lộ thiên chất thải
4	Xử lý và xả thải nước thải

Phụ lục II

DANH MỤC CÁC CƠ SỞ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH PHẢI THỰC HIỆN KIỂM KÊ KHÍ NHÀ KÍNH THUỘC NGÀNH CÔNG THƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 01/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
I. TÂY BẮC BỘ				
1. Tỉnh Hòa Bình				
1.	Công ty TNHH sản xuất hàng may mặc Esquel Việt Nam Hòa Bình	KCN Lương Sơn, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình	Sản xuất hàng may mặc	1.438
2.	Công ty TNHH Almine Việt Nam	KCN Lương Sơn, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình	Sản xuất Nhôm sợi và Nhôm thanh	2.084
3.	Công ty TNHH Doosung Tech Việt Nam	KCN Lương Sơn, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình	Sản xuất linh kiện điện tử	1.243
4.	Công ty TNHH HNT VINA	KCN Lương Sơn, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình	Sản xuất linh kiện điện tử	2.812
5.	Công ty TNHH MDF Vinafor Tân An Hòa Bình	Xã Lạc Thịnh, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	2.613

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
6.	Công ty TNHH Một thành viên Tân Hiếu Hưng	Xóm Bùi, xã Tân Mỹ, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình	Sản xuất tinh bột sắn	1.100
7.	Nhà máy thủy điện Hòa Bình	Số 428 đường Hòa Bình, phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình	Sản xuất điện	1.923
2. Tỉnh Sơn La				
8.	Nhà máy thủy điện Sơn La	Số 56, đường Lò Văn Giá, tổ 3, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La	Sản xuất điện	45.975
9.	Công ty Cổ phần Mía Đường Sơn La	Thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La	Sản xuất đường	4.859
3. Tỉnh Lai Châu				
10.	Nhà máy thủy điện Lai Châu	Xã Nậm Hoàng, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu	Sản xuất điện	1.789
11.	Nhà máy thủy điện Huội Quảng	Xã Mường Cang, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu	Sản xuất điện	2.153
4. Tỉnh Lào Cai				
12.	Công ty Cổ phần Phốt pho Việt Nam	KCN Tằng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai	Sản xuất hóa chất	14.198
13.	Công ty Cổ phần Phốt pho Vàng Lào Cai	KCN Tằng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai	Sản xuất hóa chất cơ bản	25.300
14.	Công ty Cổ phần DAP số 2 - VINACHEM	KCN Tằng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai	Sản xuất hóa chất	20.918
15.	Công ty TNHH phốt pho vàng Việt Nam	KCN Tằng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai	Sản xuất hóa chất	45.759

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
16.	Công ty TNHH Đông Nam Á Lào Cai	KCN Tằng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai	Sản xuất hóa chất	99.965
17.	Công ty Cổ phần hóa chất Đức Giang Lào Cai	KCN Tằng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai	Sản xuất hóa chất	240.334
18.	Công ty Cổ phần khoáng sản 3 - Vimico	Tổ 30, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai	Khai thác khoáng sản	1.003
19.	Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền Lào Cai	Xã Bản Vược, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai	Mỏ và khai khoáng	26.200
20.	Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	Phường Bắc Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai	Khai thác chế biến và tuyển quặng Apatit	23.228
21.	Công ty TNHH MTV đầu tư tổng hợp Đức Tiến	Đội 3 xã Bản Vược, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	7.055
22.	Công ty luyện đồng Lào Cai	KCN Tằng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai	Luyện kim	20.295
23.	Công ty TNHH khoáng sản và luyện kim Việt Trung	KCN Tằng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai	Sản xuất sắt, thép, gang	35.316
5. Tỉnh Yên Bái				
24.	Công ty Cổ phần Quốc tế Khoáng sản Việt Nam	KCN phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Sản xuất bột đá canxi cacbonat	1.866
25.	Công ty TNHH Tân Tiến	Thôn Lương Thiện, xã Lương Thịnh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái	Khai thác kim loại	1.356

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
26.	Công ty Cổ phần Khoáng sản Red Stone	KCN Phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Sản xuất sản phẩm từ nhựa	1.606
27.	Công ty Cổ phần An Tiến Indusreies	KCN phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Sản xuất chất nhựa phụ gia	3.165
28.	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Hoàng Liên Sơn	Số 93 đường Lê Lợi, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Sản xuất sản phẩm sứ cách điện	1.797
29.	Công ty Cổ phần Mông Sơn	Tổ 13, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	Khai thác chế biến bột $CaCO_3$	1.182
30.	Công ty TNHH MTV Đá trắng Bảo Lai	Thôn Hợp Nhất, xã Thịnh Hưng, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	Khai thác, cắt và chế biến đá hoa trắng	2.032
31.	Công ty TNHH Khoáng sản V.STAR	Tổ 9, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	Sản xuất bột $CaCO_3$	1.181
32.	Công ty Cổ phần Khoáng sản công nghiệp Yên Bái	KCN phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Sản xuất bột $CaCO_3$	4.930
II. ĐÔNG BẮC BỘ				
1. Tỉnh Phú Thọ				
33.	Công ty TNHH Tyryong Việt Nam	KCN Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	Giặt mài quần áo	1.157
34.	Công ty TNHH Yi Da Việt Nam	Thị trấn Sông Thao, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ	May trang phục	1.829
35.	Công ty TNHH Tarpline Hà Nội	Cụm công nghiệp Đồng Lạng, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ	Sản xuất kinh doanh các loại vải bạt PP, PE	1.417

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
36.	Công ty TNHH JM Plastics Việt Nam	Cụm công nghiệp Đồng Lạng, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ	Sản xuất, kinh doanh các loại vải bạt PP, PE	1.742
37.	Công ty Cổ phần Dệt Vĩnh Phú	Phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	Sản xuất sợi, dệt	2.882
38.	Công ty TNHH Dệt Phú Thọ	KCN Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	Sản xuất sợi, dệt	3.883
39.	Công ty TNHH MTV Pangrim Neotex	Phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	Sản xuất sợi, dệt, nhuộm	6.665
40.	Công ty Cổ phần giấy Việt Trì	Phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	Sản xuất, kinh doanh giấy	8.500
41.	Tổng Công ty giấy Việt Nam	Thị trấn Châu Phong, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ	Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	12.350
42.	Công ty Cổ phần Đông Á	Thị trấn Châu Phong, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ	Sản xuất hóa chất cơ bản	8.702
43.	Công ty Cổ phần Supe phốt phát và hóa chất Lâm Thao	Thị trấn Lâm Thao, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ	Sản xuất phân bón và hóa chất	77.203
44.	Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	Sản xuất hóa chất cơ bản	17.976
45.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Thăng Long	Xã Thượng Cửu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ	Khai thác, chế biến khoáng sản	1.216
46.	Công ty TNHH MK Noah Vina	Cụm công nghiệp Làng nghề Nam Thanh Ba, xã Đồ Sơn, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ	Sản xuất các sản phẩm từ nhựa	1.304
47.	Công ty TNHH Fabino Vina	Cụm công nghiệp Làng nghề nam Thanh Ba, xã Đồ Sơn, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ	Sản xuất các sản phẩm từ nhựa	1.473

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
48.	Công ty TNHH Sillim Việt Nam	Phường Vân Cơ, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	Sản xuất các sản phẩm từ nhựa	1.382
49.	Công ty Cổ phần Sản xuất thương mại Hữu Nghị	Phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	Sản xuất sản phẩm từ nhựa	1.803
50.	Công ty TNHH Kapstex Vina	KCN Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	Sản xuất sản phẩm từ nhựa	91.563
51.	Công ty Cổ phần KSA Polyme Hà Nội	KCN Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	Sản xuất sản phẩm từ nhựa	3.061
52.	Công ty TNHH công nghệ Cosmos 1	KCN Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	1.275
53.	Công ty Cổ phần Nhôm Sông Hồng	Phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	Sản xuất cấu kiện kim loại	2.009
54.	Công ty TNHH Công nghệ Namuga Phú Thọ	KCN Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	Sản xuất linh kiện điện tử	7.260
55.	Công ty CP CMC	Phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	Sản xuất gạch ốp, lát	8.174
56.	Công ty cổ phần gạch men TASA	KCN Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	Sản xuất gạch ốp, lát	11.684
57.	Công ty cổ phần gốm sứ CTH	Phường Thanh Vinh, TX Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ	Sản xuất gạch ốp, lát	2.720
58.	Công ty TNHH JNTC VINA	KCN Thụy Vân, thành phố Việt Trì	Sản xuất các sản phẩm từ thủy tinh, kính cường lực	13.516
59.	Công ty TNHH Miwon Việt Nam	Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	Sản xuất, chế biến thực phẩm	26.292

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
2. Tỉnh Hà Giang				
60.	Công ty Cổ phần đầu tư khoáng sản An Thông	Số 415 đường Trần Phú, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang	Khai thác quặng sắt	3.842
3. Tỉnh Tuyên Quang				
61.	Công ty Cổ phần giấy An Hòa	Xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	Sản xuất giấy và sản phẩm từ bột giấy	77.687
62.	Công ty TNHH MTV cơ khí hóa chất 13	Thị trấn Tân Bình, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	Sản xuất công nghiệp	38.525
63.	Công ty Cổ phần Woodsland Tuyên Quang	Cụm công nghiệp Thắng Quân, xã Thắng Quân, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa	1.697
64.	Nhà máy Hợp kim sắt - Mimeco Tuyên Quang thuộc Công ty Cổ phần khoáng sản và cơ khí	KCN Long Bình An, xã Đội Cấn, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	5.425
65.	Công ty TNHH Gang thép Tuyên Quang	KCN Long Bình An, xã Đội Cấn, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	Sản xuất sắt, thép, gang	123.839
4. Tỉnh Cao Bằng				
66.	Công ty Cổ phần khoáng sản Nikko Việt Nam	Huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng	Luyện Fero Mn	6.451
67.	Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng	Xã Chu Trinh, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	Sản xuất gang đúc, phôi thép	110.996

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
5. Tỉnh Thái Nguyên				
68.	Công ty Cổ phần giấy Hoàng Văn Thụ	Phường Quán Triều, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bìa từ giấy và bìa	4.533
69.	Công ty TNHH xây dựng và phát triển nông thôn miền núi	Số 598 đường Thống Nhất, phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Khai thác quặng sắt	7.961
70.	Công ty TNHH chế biến khoáng sản Núi Pháo	Xóm 2, xã Hà Thượng, Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	23.729
71.	Công ty Cổ phần Meinfa	Tổ 10, phường Mỏ Chè, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	1.102
72.	Công ty TNHH Jukwang precision Việt Nam	Lô CN 8,1 KCN Điềm Thụy, xã Điềm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; các dịch vụ xử lý, gia công kim loại	2.193
73.	Công ty TNHH NatsteelVina	Phường Cam Giá Thành phố Thái Nguyên tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất các cấu kiện kim loại	7.086
74.	Công ty Cổ phần Alutec Vina	Lô CN6 KCN Điềm Thụy, xã Điềm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	3.691
75.	Công ty Cổ phần phụ tùng máy số 1	Đường 3/2 tổ 10, phường Mỏ Chè, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ	2.748

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
76.	Công ty Diesel Sông Công	Số 362, đường CMT10, phường Lương Châu, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	3.348
77.	Công ty Cổ phần cơ khí Gang thép	KCN Yên Bình, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	10.465
78.	Công ty Cổ phần cơ khí Phổ Yên	Thị trấn Bãi Bông, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	1.801
79.	Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên	Xã Thuận Thành, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	4.195
80.	Công ty Cổ phần nhiệt điện An Khánh	Tổ 22 phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	442.266
81.	Công ty TNHH Sam Hwa Yang Heng Vina	Lô CN5 KCN Điềm Thụy, xã Hồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất linh kiện điện tử	1.767
82.	Công ty TNHH Glonics Việt Nam	Số 903, đường 3-2, phường Phú Xá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất linh kiện điện tử	4.286
83.	Công ty TNHH Ssnewtech Việt Nam	Lô CN 5,2 KCN Điềm Thụy, xã Điềm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất linh kiện điện tử	24.861
84.	Công ty TNHH Hansol Electronics VN	KCN Yên Bình, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất linh kiện điện tử	7.075

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
85.	Công ty TNHH Samsung Electro-mechanics VN	KCN Yên Bình, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất linh kiện điện tử	44.547
86.	Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên (SEVT)	KCN Yên Bình, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất thiết bị truyền thông	205.810
87.	Công ty Cổ phần luyện Kim đen Thái Nguyên	Xã Nam Hòa, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất sắt, thép, gang	4.201
88.	Công ty TNHH Một thành viên 27	Phường Quan Triều, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất sắt, thép, gang	2.513
89.	Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại thép Đại Việt	Cụm công nghiệp số 3, Cảng Đa Phúc, xã Thuận Thành, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất sắt, thép, gang	6.930
90.	Công ty TNHH Hương Đông	Khu B, KCN Sông Công, phường Bách Quang, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất sắt, thép, gang	4.348
91.	Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung	Tổ 21, phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất sắt, thép, gang	20.402
92.	Công ty TNHH Tinh luyện Vonfram Masan	Xóm 2, xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	5.666
93.	Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại Hiệp Linh	Tổ 11, phường Phú Xá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Đúc sắt thép	7.857
94.	Công ty Cổ Phần Thép Toàn Thắng	Khu B, KCN Sông Công, phường Bách Quang, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất sắt, thép, gang	22.201

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
95.	Công ty Cổ phần khoáng sản và luyện kim Trung Thành	Khu B KCN Sông Công, phường Bách Quang, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	13.817
96.	Công ty Cổ phần Hợp kim sắt Gang thép Thái Nguyên	Tổ 31 Phường Cam giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	13.716
97.	Công ty Cổ phần Gang Thép Thái Nguyên	Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất sắt, thép, gang	37.295
98.	Công ty Cổ phần Kim Quy Thái Nguyên	19 đường Gang Thép, tổ 11, phường Trung Thành, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	1.009
99.	Công ty nhiệt điện Cao Ngạn	Phường Quan Triều, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Sửa chữa máy móc, thiết bị	406.303
6. Tỉnh Lạng Sơn				
100.	Công ty nhiệt điện Na Dương	Thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn	Phát điện	1.190
101.	Công ty Cổ phần đá mài Hải Dương	Xã Tân Mỹ, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn	Sản xuất, luyện corindon	5.709
7. Tỉnh Bắc Giang				
102.	Công ty TNHH một thành viên 45	Xã Thanh Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	Khai thác, chế biến than	2.678
103.	Công ty Cổ phần tổng Công ty may Bắc Giang	Số 349 đường Giáp Hải, phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	Sản xuất sản phẩm may mặc	1.265
104.	Công ty Cổ phần May Xuất khẩu Hà Phong	Xã Đoan Bái, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang	Sản xuất hàng may mặc xuất khẩu	1.567

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
105.	Công ty TNHH Crystal Martin (Việt Nam)	Lô R (R1) KCN Quang Châu, xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	Sản xuất hàng may mặc	1.902
106.	Công ty TNHH Hoa Hạ Việt Nam	KCN Đình Trám, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	Sản xuất nhựa, giấy	1.499
107.	Công ty TNHH Bắc Hà	Thôn Lịm Xuyên, xã Song Khê, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	Sản xuất các sản phẩm từ giấy và bìa	1.334
108.	Nhà máy giấy Xương Giang - Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Bắc Giang	KCN Song Khê, Nội Hoàng, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	Sản xuất Giấy	6.487
109.	Công ty TNHH một thành viên Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	Sản xuất Đạm Urê, NH_3, CO_2 lỏng, CO_2 rắn	459.411
110.	Công ty Cổ phần Casablanca	Xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang	Sản xuất sản phẩm từ nhựa	7.293
111.	Công ty TNHH Abrasives Việt Nam	Lô B5, B6 KCN Song Khê, huyện Nội Hoàng, tỉnh Bắc Giang	Sản xuất bột Cacbua Silicon	2.994
112.	Công ty TNHH Khải Thần Việt Nam	Thôn Già Khê, xã Tiên Hưng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang	Sản xuất sản phẩm từ nhựa	7.364
113.	Công ty TNHH Khải Thừa Việt Nam (Công ty Hoa Hưng Việt Nam)	Cụm công nghiệp Già Khê, xã Tiên Hưng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang	Sản xuất sản phẩm từ nhựa	6.890
114.	Công ty TNHH Wonjin Vina	Lô CN, 16, KCN Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	Sản xuất, gia công sản phẩm bằng kim loại	1.368

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
115.	Công ty TNHH Daeyang Ha Noi	Cụm công nghiệp Đồng Đình, thị trấn Tân Yên, tỉnh Bắc Giang	Sản xuất thiết bị điện	1.637
116.	Công ty TNHH Khoa học kỹ thuật năng lượng mặt trời Boviet	Lô B5, B6 KCN Song Khê, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	Lắp ráp tấm pin năng lượng mặt trời	12.789
117.	Công ty TNHH Vina Solar Technology	Lô CN 03, KCN Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	Sản xuất pin năng lượng mặt trời	22.714
118.	Công ty TNHH Trinasolar (Viet Nam) Science và Technology	Lô CN 06, KCN Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	Sản xuất pin và ắc quy	18.625
119.	Công ty TNHH Vina Cell Technology	Lô CN 05, KCN Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	Sản xuất pin và ắc quy	22.253
120.	Công ty TNHH JA Solar Việt Nam	Lô G, KCN Quang Châu, xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	Sản xuất tấm silic và lắp ráp tấm pin mặt trời	27.468
121.	Công ty TNHH DYT Việt Nam	Lô CN 10, KCN Vân Trung, thị trấn Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	Sản xuất băng dính điện tử và tấm dán màn hình	1.602
122.	Công ty TNHH Daeyang Bắc Giang	Lô CN 17 KCN Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	Sản xuất linh kiện điện tử	1.468
123.	Công ty TNHH Younyi Electronics Vina	Lô đất FJ24 KCN Song Khê - Nội Hoàng phía Nam, xã Tiền Phong, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	Sản xuất linh kiện điện tử	1.737

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
124.	Công ty TNHH S-Connect Bắc Giang Vina	Lô CN 17, KCN Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	Sản xuất linh kiện điện tử	2.317
125.	Công ty TNHH Sejong Wise Vina	Lô CN 17, KCN Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	Sản xuất linh kiện điện tử	1.909
126.	Công ty TNHH Hosiden Việt Nam	Lô C1, KCN Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	Sản xuất linh kiện điện tử	3.101
127.	Công ty TNHH Jeil Tech Vina	Lô CN 01, KCN Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	Sản xuất thiết bị truyền thông	2.729
128.	Công ty TNHH công nghệ Lens Việt Nam	R(R2) KCN Quang Châu, xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	Sản xuất, gia công kính ốp màn hình cảm ứng	3.553
129.	Công ty TNHH Luxshare - Ict (Việt Nam)	Lô E, KCN Quang Châu, xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	Sản xuất dây, cáp điện và linh kiện điện tử	6.828
130.	Công ty TNHH New Wing interconnect Technology (Bắc Giang)	KCN Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	Sản xuất linh kiện điện tử	9.451
131.	Công ty TNHH MTV SJ Tech Việt Nam	Lô CN 16, KCN Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	Sản xuất linh kiện điện tử	6.311
132.	Công ty TNHH Fuhong precision component Bắc Giang	KCN Đình Trám, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	Sản xuất linh kiện điện tử	9.831
133.	Công ty TNHH SI Flex Việt Nam	Lô A, KCN Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	Sản xuất bảng mạch điện tử	15.310

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
134.	Công ty TNHH vật liệu hợp kim Boviet Vina	Lô B5, B6 KCN Song Khê - Nội Hoàng, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	Sản xuất, gia công vật liệu kim loại	1.694
135.	Công ty TNHH thương mại Dương Tiến	Xã Tiền Phong, Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	Sản xuất thép	2.246
136.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Kỹ Thương Thiên Hoàng, Nhà máy gạch Cotto Mikado	Thôn Trung Thành, xã Hùng Sơn, Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang	Sản xuất gạch cotto	15.460
8. Tỉnh Quảng Ninh				
137.	Công ty TNHH MTV Thăng Long	Khu 1, thị trấn Trới huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh	Khai thác, thu gom than cứng	1.292
138.	Công ty 35 - Chi nhánh Tổng Công ty Đông Bắc	Phường Cẩm Thạch, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	Khai thác và thu gom than cứng	2.129
139.	Công ty TNHH MTV 91 - Chi nhánh Tổng Công ty Đông Bắc	Thị trấn Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh	Khai thác và thu gom than cứng	1.793
140.	Công ty Cổ phần 397	Thị trấn Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh	Khai thác và thu gom than cứng	2.792
141.	Công ty 86 - Chi nhánh Tổng Công ty Đông Bắc	Phường Quang Hanh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	Khai thác và thu gom than cứng	4.955
142.	Công ty Cổ phần Sản xuất và thương mại than Uông Bí	Phường Trưng Vương, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	Khai thác và thu gom than cứng	3.106

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
143.	Công ty TNHH MTV Vận tải và chế biến than Đông Bắc	Phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	Khai thác và thu gom than cứng	5.346
144.	Công ty TNHH MTV 790 - Chi nhánh Tổng Công ty Đông Bắc	Phường Cửa Ông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	Khai thác và thu gom than cứng	3.967
145.	Công ty Tuyển than Hòn Gai	Phường Bạch Đằng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Khai thác và thu gom than cứng	5.168
146.	Công ty than Hạ Long	Phường Cao Xanh, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Khai thác và thu gom than cứng	7.068
147.	Công ty Cổ phần Công nghiệp Tân Tiến	Phường Quang Hanh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	Khai thác và thu gom than cứng	8.504
148.	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than - Khoáng sản Việt Nam - Công ty than Thống Nhất - TKV	Phường Cẩm Tây, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	Khai thác và thu gom than cứng	7.033
149.	Công ty than Mông Dương - Vinacomin	Phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	Khai thác và thu gom than cứng	6.952
150.	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than - KS Việt Nam - Công ty than Dương Huy - TKV	Phường Cẩm Thạch, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	Khai thác và thu gom than cứng	19.412

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
151.	Chi nhánh Tập đoàn công nghiệp than - Khoáng sản Việt Nam - Công ty than Khe Chàm - TKV	Phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	Khai thác và thu gom than cứng	14.138
152.	Chi nhánh Tập đoàn công nghiệp than - Khoáng sản Việt Nam - Công ty than Quang Hanh - TKV	302 Trần Phú, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	Khai thác và thu gom than cứng	9.544
153.	Chi nhánh Tập đoàn công nghiệp than - Khoáng Sản Việt Nam - Công ty than Nam Mẫu - TKV	Phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	Khai thác và thu gom than cứng	9.649
154.	Chi nhánh Tập Đoàn công nghiệp than Khoáng Sản Việt Nam - Công ty than Mạo Khê - TKV	Thị trấn Mạo Khê, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh	Khai thác và thu gom than cứng	10.035
155.	Chi nhánh Tập đoàn công nghiệp than - Khoáng Sản Việt Nam - Công ty than Uông Bí - TKV	Phường Trưng Vương, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	Khai thác và thu gom than cứng	14.401
156.	Công ty Cổ phần than Hà Lầm - Vinacomin	Phường Hà Lầm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Khai thác và thu gom than cứng	10.929

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
157.	Công ty Cổ phần thương mại Tuấn Tiến	Thị trấn Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh	Khai thác và thu gom than cứng	12.401
158.	Chi nhánh Tập đoàn công nghiệp than Khoáng Sản Việt Nam - Công ty than Hòn Gai - TKV	169 Lê Thánh Tông, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Khai thác và thu gom than cứng	6.508
159.	Công ty Cổ phần than Vàng Danh - Vinacomin	Phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	Khai thác và thu gom than cứng	14.025
160.	Công ty Cổ phần than Núi Béo - Vinacomin	799 Lê Thánh Tông, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Khai thác và thu gom than cứng	11.351
161.	Công ty Khe Sim - Chi nhánh Tổng Công ty Đông Bắc	Phường Quang Hanh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	Khai thác và thu gom than cứng	1.089
162.	Công ty Cổ phần than Hà Tu - Vinacomin	Phường Hà Tu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Khai thác và thu gom than cứng	15.545
163.	Chi nhánh Tập đoàn công nghiệp than - Khoáng sản Việt Nam - Công ty tuyển than Cửa Ông - TKV	Phường Cửa Ông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	Khai thác và thu gom than cứng	11.274
164.	Công ty Cổ phần than Cao Sơn - Vinacomin	Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	Khai thác và thu gom than cứng	81.870
165.	Công ty khai thác khoáng sản - Chi nhánh Tổng Công ty Đông Bắc	Phường Cẩm Sơn , thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	Khai thác và thu gom than cứng	28.398

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
166.	Công ty Cổ phần than Tây Nam Đá Mài	Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	Khai thác và thu gom than cứng	28.862
167.	Công ty Cổ phần than Đèo Nai - Vinacomin	Phường Cẩm Tây, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	Khai thác và thu gom than cứng	34.541
168.	Công ty PT Vietmindo Energitama	Phường Uông Thượng, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	Khai thác và thu gom than cứng	33.600
169.	Công ty Cổ phần than Cọc Sáu - Vinacomin	Phường Cẩm Phú, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	Khai thác và thu gom than cứng	42.455
170.	Công ty chế biến than Quảng Ninh - TKV	Phường Cao Xanh, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Chế biến, kinh doanh bốc xúc, vận tải than	442.898
171.	Nhà máy nhiệt điện Mông Dương II	Phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	Sản xuất điện	6.339
172.	Công ty nhiệt điện Uông Bí	Phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	Sản xuất điện	88.499
173.	Nhà máy nhiệt điện Mạo Khê	Xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh	Sản xuất điện	66.142
174.	Công ty Cổ phần nhiệt điện Cẩm Phả TKV	Phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	Sản xuất điện	115.695
175.	Nhà máy nhiệt điện Mông Dương I	Phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	Sản xuất điện	95.003
176.	Công ty Cổ phần nhiệt điện Quảng Ninh	Phường Hà Khánh, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Sản xuất điện	115.594

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
177.	Chi nhánh Công ty TNHH Sao Vàng	Phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	Sản xuất giày dép	8.087
178.	Công ty TNHH sợi hóa học thế kỷ mới Việt Nam	KCN Cái Lân, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Sản xuất sợi	4.433
179.	Công ty TNHH Khoa học Texhong Ngân Long	KCN Hải Yên, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Sản xuất sợi	38.531
180.	Công ty TNHH Integral Materials Invesment Việt Nam	KCN Việt Hưng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Sản xuất hóa chất cơ bản	3.264
181.	Công ty TNHH Antimon Dương Huy	Phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	4.881
182.	Công ty TNHH MTV Vinanew Tarps	KCN Cái Lân, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Sản xuất sản phẩm khác từ nhựa	1.589
183.	Công ty địa chất mỏ	Phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	Sản xuất công nghiệp khác	1.239
184.	Công ty Cổ phần công nghiệp tàu thủy Đông Bắc	Phường Quang Hanh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	Đóng tàu và cấu kiện nổi	1.565
185.	Công ty Cổ phần chế tạo máy - Vinacomin	Phường Cẩm Thủy, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	4.543
186.	Công ty TNHH xay lúa mì VFM - Wilmar	Lô 21, KCN Cái Lân MR, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Sản xuất chế biến thực phẩm	1.544
187.	Công ty Cổ phần bia và nước giải khát Đông Mai	Số 130 Lê Lợi, phường Yết Kiêu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1.822

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
188.	Công ty TNHH sản xuất bột mì Vimaflour	Phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	4.706
189.	Công ty TNHH dầu thực vật Cái Lân	KCN Cái Lân, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Sản xuất và đóng hộp dầu, mỡ, động thực vật	10.845
190.	Công ty Cổ phần cơ khí và lắp máy Việt Nam	Thôn Hoàng Sơn, xã Hoàng Quế, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	1.147
191.	Trường cao đẳng than khoáng sản Việt Nam	Phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Đào tạo và sản xuất kinh doanh, dịch vụ	1.072
192.	Công ty xây lắp mỏ - TKV	Số 804, khu 7B, phường Cẩm Phú, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng	1.755
193.	Công ty TNHH MTV Ngân Tuyết	Phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	2.618
III. ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG				
1. Thành phố Hà Nội				
194.	Công ty Cổ phần Dệt Công nghiệp Hà Nội	93 Lĩnh Nam, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	Dệt	1.662
195.	Công ty Cổ phần Đồng Phát	Thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	Sản xuất sợi	4.224
196.	Công ty Cổ phần Giấy Vạn Điểm	Thị trấn Phú Minh, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1.323

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
197.	Công ty Giấy Tissue Sông Đuống	Số 672 đường Ngô Gia Tự, phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội	Sản xuất các sản phẩm về giấy	1.537
198.	Công ty Cổ phần Miza	Cụm công nghiệp Nguyên Khê, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	Sản xuất bao bì bằng giấy, bìa	3.277
199.	Công ty TNHH sản xuất và thương mại sắc màu Việt Nam	Số 6, ngách 66/10, ngõ 49, phố Thúy Lĩnh, phường Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	Sản xuất nhựa và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	1.304
200.	Công ty Cổ phần nhựa Hà Nội	Tổ 12 phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội	Sản xuất các sản phẩm từ nhựa	1.197
201.	Công ty TNHH Sản xuất nhựa Việt Nhật	Số 31 Nguyễn Thiệp, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	Sản xuất các sản phẩm từ nhựa	7.532
202.	Công ty TNHH Daiwa Plastics Thăng Long	Lô K8, KCN Thăng Long, xã Võng La, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	Sản xuất sản phẩm từ nhựa	1.604
203.	Nhà máy sản xuất bao bì bạt nhựa Tú Phương	Thôn Phú Thụy, xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội	Sản xuất sản phẩm từ nhựa	2.028
204.	Công ty TNHH Cao su Inoue Việt Nam	Thôn Phú Nhi, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội	Sản xuất săm, lốp ô tô, xe máy	2.794
205.	Chi nhánh Công ty TNHH Tenma Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	Lô 88 (khu A) KCN Nội Bài, xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	Sản xuất sản phẩm từ nhựa	1.604
206.	Công ty TNHH MTV Cơ khí 17	Thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	Gia công cơ khí, xử lý, tráng phủ kim loại	1.262

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
207.	Công ty TNHH Enkei Việt Nam	Lô N2, KCN Thăng Long, xã Kim Chung, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy	1.411
208.	Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú	Số 41 Phương Liệt, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Sản xuất dây và thiết bị dây dẫn	1.010
209.	Công ty TNHH GSK Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội I	Lô số 6, KCN Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy	1.051
210.	Công ty Cổ phần Cao su sao vàng	Số 231 Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Sản xuất lốp	1.289
211.	Công ty TNHH Ogino Việt Nam	Lô N9, KCN Thăng Long, xã Võng La, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	1.216
212.	Công ty TNHH Hệ thống dây Sumi Hanel	Đường Công nghiệp 4, KCN Sài Đồng B, quận Long Biên, thành phố Hà Nội	Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy	1.948
213.	Công ty TNHH Matsuo Industries Việt Nam	Lô C,10, KCN Thăng Long, xã Kim Chung, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy	1.316
214.	Công ty Cổ phần Bóng đèn phích nước Rạng đông	Số 87, 89 phố Hạ Đình, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Sản xuất thiết bị chiếu sáng	1.252
215.	Công ty TNHH FCC Việt Nam	Lô A5, KCN Thăng Long, xã Kim Chung, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy	2.573
216.	Công ty TNHH Parker Processing Việt Nam	Lô C1-2 KCN Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy	1.338

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
217.	Công ty TNHH Sumitomo Heavy Industries (Việt Nam)	Lô I7, I8, I9, M2, M3, KCN Thăng Long, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	Sản xuất công nghiệp	1.647
218.	Công ty TNHH Hanwha Aero Engines	Lô CN1-02B-4-8 KCN CNC 1, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Hạ Bằng, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội	Sản xuất công nghiệp	1.231
219.	Công ty Cổ phần Xích líp Đông Anh	Số 11, Tổ 47, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	Sản xuất mô tô, xe máy	1.961
220.	Công ty TNHH Tamron Optical Việt Nam	Lô 69B và 70A KCN Nội Bài, xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	Sãn xuất linh kiện điện tử	2.349
221.	Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Lô CN1, cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2.170
222.	Công ty TNHH thiết bị xây dựng và chiếu sáng đô thị Tấn Phát	Số 310 đường La Thành, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2.684
223.	Công ty Liên doanh TNHH Crown Hà Nội	Km24, Quốc Lộ 1, xã Quất Động, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	1.319
224.	Công ty TNHH Công nghệ KYB Việt Nam	Lô I10, 11, 12, KCN Thăng Long, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy	1.319
225.	Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng long	Số 235 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Sản xuất thuốc lá	3.373

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
226.	Công ty TNHH KCN Thăng Long	KCN Thăng Long, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	Sản xuất công nghiệp	1.640
227.	Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam	Xã Trung Giã, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy	1.105
228.	Công ty TNHH Nissei Electric Hà Nội	Lô 13, 14, 15, KCN Thăng Long, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	Sản xuất công nghiệp	2.523
229.	Công ty TNHH Phụ tùng xe máy - Ôtô Goshi - Thăng Long	Số 134 phố Sài Đồng, tổ 15, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội	Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy	3.170
230.	Công ty TNHH Sản xuất phụ tùng Yamaha Motor Việt Nam	Lô G1 và G2, KCN Thăng Long, xã Võng La, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	Sản xuất phụ tùng cho xe có động cơ và động cơ xe	3.239
231.	Công ty TNHH Panasonic System Networks Việt Nam	Lô J1-J2, KCN Thăng Long, xã Kim Chung, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	Sản xuất công nghiệp	3.968
232.	Công ty TNHH Hoàng Vũ	Lô 1 CN3, cụm công nghiệp Từ Liêm, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	3.842
233.	Công ty TNHH phụ tùng xe máy - Ô tô Showa Việt Nam	Lô M6, KCN Thăng Long, xã Võng La, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy	3.914
234.	Công ty TNHH điện Stanley Việt Nam	Xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội	Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy	4.215
235.	Công ty TNHH HAL Việt Nam	KCN Thăng Long, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy	4.281

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
236.	Công ty TNHH Denso Việt Nam	Lô El KCN Thăng Long, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	Sản xuất công nghiệp	4.880
237.	Công ty TNHH LIXIL Việt Nam	Thôn Yên Bình, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	1.852
238.	Công ty TNHH Toto Việt Nam	Lô F1-F4, KCN Thăng Long, xã Kim Chung, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	Sản xuất công nghiệp	3.463
239.	Công ty TNHH Vietnergy	Lô CN2, KCN Thạch Thất, thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	Sản xuất pin và ắc quy	8.638
240.	Công ty TNHH SWCC SHOWA (Việt Nam)	Lô B8, KCN Thăng Long, xã Kim Chung, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng	1.039
241.	Công ty TNHH Young Fast Optoelectronic (Việt Nam)	Lô CN8, KCN Thạch Thất - Quốc Oai, xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội	Sản xuất linh kiện điện tử	1.862
242.	Công ty TNHH Canon Việt Nam	Lô A1 KCN Thăng Long, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	Sản xuất linh kiện điện tử	4.658
243.	Công ty TNHH Hoya Glass Disk Việt Nam	Khu J3 và 4, KCN Thăng Long, xã Võng La, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	Sản xuất linh kiện điện tử	13.002
244.	Công ty TNHH điện tử MEIKO Thăng Long	Lô J1, J2, KCN Thăng Long, xã Kim Chung, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	Sản xuất linh kiện điện tử	6.054
245.	Công ty TNHH Linh kiện điện tử SEI	Lô C-6 KCN Thăng Long, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	Sản xuất linh kiện điện tử	8.890
246.	Công ty TNHH Điện tử Meiko Việt Nam	Lô CN9, KCN Thạch Thất, Quốc Oai, xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội	Sản xuất linh kiện điện tử	28.210

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
247.	Công ty TNHH Khuôn đúc Tsukuba Việt Nam	Lô A6 đường CN 4, KCN Sài Đồng B, quận Long Biên, thành phố Hà Nội	Đúc sắt thép	1.314
248.	Công ty TNHH thép An Khánh	Khu Thủy lợi 2 xã Tân Minh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	Sản xuất sắt, thép, gang	14.633
249.	Công ty TNHH Nhà máy bia Heineken Hà Nội	Km15+500, đường 427, xã Vân Tảo, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1.343
250.	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Hà Nội	A2, CN8 Cụm công nghiệp tập trung vừa và nhỏ, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1.208
251.	Chi nhánh Công ty TNHH nước giải khát Coca-Cola Việt Nam tại Hà Nội	Km17, xã Duyên Thái, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	Sản xuất đồ uống	2.704
252.	Công ty TNHH Tân Mỹ	Số 77 Lê Văn Hưu, phường Ngô Thì Nhậm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Buôn bán phụ tùng ô tô và xe có động cơ khác	1.168
253.	Công ty Cổ phần viễn thông FPT	Lô B2 Cụm Sản xuất tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Hoạt động viễn thông khác	2.706
254.	Công ty TNHH Viettel - CHT	Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Km29 Đường Láng, Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội	Cung cấp dịch vụ viễn thông	2.714
2. Tỉnh Bắc Ninh				
255.	Công ty TNHH Air Liquide	KCN Quế Võ, phường Vân Dương, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	9.104

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
256.	Công ty TNHH Peony	Số 15, đường 7, VSIP Bắc Ninh, xã Phù Chẩn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất trang phục, nhuộm	1.159
257.	Công ty TNHH Nhất Hảo	KCN giấy Phong Khê (mở rộng), phường Phong Khê, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy	1.054
258.	Công ty Cổ phần giấy Thăng Long	Cụm công nghiệp Phong Khê 2, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	1.006
259.	Công ty sản xuất và thương mại Việt Mỹ	Thôn Tam Tảo, xã Phú Lâm, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	1.534
260.	Công ty TNHH xây dựng sản xuất và thương mại Phú Lâm	Cụm công nghiệp Phú Lâm, thôn Tao Tảo, xã Phú Lâm, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy	1.352
261.	Công ty TNHH Jebsen và Jessen Packaging Việt Nam	Lô K1 KCN Quế Võ, phường Vân Dương, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu - giấy	6.724
262.	Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Hải Phúc	Thôn Tam Tảo, xã Phú Lâm, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy	2.105
263.	Công ty Cổ phần bao bì Anh Sơn	Số 46L Chùa Dận, P Đình Bảng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy	1.813
264.	Công ty giấy và bao bì Phú Giang	Cụm công nghiệp Phú Lâm, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất bao bì bằng giấy, bìa	3.867
265.	Công ty TNHH MTV Vina Paper	Cụm công nghiệp Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất giấy, các sản phẩm từ giấy	8.430
266.	Chi nhánh Công ty Diana UnicHarm tại Bắc Ninh	Cụm công nghiệp Tân Chi, xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất giấy, sản phẩm từ giấy	7.362

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
267.	Công ty TNHH Đông Á Bắc Ninh	Khu Dương Ổ, phường Phong Khê, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy	1.540
268.	Công ty TNHH bao bì NM Việt Nam	Số 02 đường TS6, KCN Tiên Sơn, xã Nội Duệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	sản xuất và cung cấp bao bì nhựa	1.167
269.	Công ty TNHH Toyo Ink Compounds Việt Nam	Lô G9, KCN Quế Võ, phường Vân Dương, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất nhựa và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	1.295
270.	Công ty TNHH Seiyo Việt Nam	Lô D1, KCN Quế Võ, phường Nam Sơn, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất sản phẩm từ nhựa	3.049
271.	Công ty TNHH MTV Thương mại Hiệp Quang	KCN Khắc Niệm, phường Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất các sản phẩm từ cao su và nhựa	1.285
272.	Công ty TNHH VINA YONG SEONG	Lô J6 KCN Đại Đồng, Hoàn Sơn, phường Tân Hồng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất các sản phẩm từ cao su và nhựa	1.281
273.	Công ty TNHH Dragonjet Việt Nam	Lô D3, KCN Quế Võ, phường Nam Sơn, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất sản phẩm từ nhựa	2.312
274.	Công ty TNHH SRITHAI (Hà Nội)	Số 1, đường 3, VSIP Bắc Ninh, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất các sản phẩm từ cao su và nhựa	1.868
275.	Công ty TNHH Tenma - Việt Nam	Lô E1, KCN Quế Võ, xã Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất sản phẩm từ nhựa	3.237
276.	Công ty TNHH Tiến Minh	KCN Quế Võ mở rộng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất ống nhựa	2.441
277.	Công ty TNHH vs Industry Việt Nam	Lô C2 KCN Quế Võ phường Vân Dương, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất sản phẩm từ nhựa	3.513

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
278.	Công ty TNHH Mitac Precision	Lô G1, 3, 4, 6, 8, KCN Quế Võ, phường Vân Dương, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính - nhựa	4.030
279.	Công ty TNHH Cedo Việt Nam	Lô E5, 4, KCN Đại Đồng Hoàn Sơn, xã Đại Đồng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất sản phẩm từ nhựa	4.667
280.	Công ty TNHH UIL VIỆT NAM	Lô F1, KCN Quế Võ (khu vực mở rộng), xã Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu - Nhựa	4.532
281.	Công ty TNHH Mobase Việt Nam	KCN Yên Phong, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất sản phẩm từ nhựa	8.079
282.	Công ty TNHH ABB Việt Nam	Số 1, đường TS, 23, KCN Tiên Sơn, phường Đồng Nguyên, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất thiết bị điện	1.174
283.	Công ty TNHH TAIXIN PRINTING VINA	Số 19 Đường 11, KCN VSIP, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất bao bì in ấn	1.206
284.	Công ty TNHH Ogino Việt Nam	KCN Đô thị và dịch vụ VSIP Bắc Ninh, xã Phù Chẩn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; các dịch vụ xử lý, gia công kim loại	1.216
285.	Công ty TNHH sản xuất thép Hiệp Lực	Lô 31, cụm công nghiệp Châu Khê 2, phường Châu Khê, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất các sản phẩm từ kim loại	1.889
286.	Công ty Cổ phần Công thương Đông Phương	Khu phố Trang Liệt, phường Trang Hạ, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất dây và thiết bị dây dẫn	1.142
287.	Công ty TNHH JWORLD VINA	KCN Quế Võ, xã Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất các thiết bị, dụng cụ điện	1.548

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
288.	Chi nhánh Công ty Asia packaging Industries Việt Nam tại Bắc Ninh	Số 2, đường 11, KCN VSIP Bắc Ninh, xã Phù Chẩn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	Vỏ bao bì kim loại	1.632
289.	Công ty TNHH Samsung SDI Việt Nam	KCN Yên Phong I, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu - pin điện thoại	2.637
290.	Công ty TNHH Canon Việt Nam - Nhà máy Tiên Sơn	Số 12 đường 10, KCN Tiên Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất máy in	3.249
291.	Công ty TNHH Công nghệ bao bì Yuzhan	Lô H2,01, KCN Quế Võ, xã Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất, in ấn các sản phẩm bao bì	1.266
292.	Công ty Cổ phần gạch ốp lát BNC	Lô V 6.1 KCN Quế Võ 2, xã Ngọc Xá, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất các sản phẩm phi kim loại	4.825
293.	Chi nhánh Công ty Cổ phần thép Việt Úc tại Bắc Ninh	Khu phố Trịnh Nguyễn, phường Châu Khê, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất các sản phẩm từ kim loại	4.286
294.	Công ty TNHH TEXON VIETNAM	Lô K, 1, 2, KCN Đại Đồng, xã Hoàn Sơn, phường Tân Hồng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất các sản phẩm từ kim loại	4.375
295.	Công ty Cổ phần HANACANS	KCN Hanaka, phường Đồng Nguyên, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	Vỏ bao bì kim loại	2.980
296.	Công ty Cổ phần Bóng đèn phích nước Rạng Đông	KCN Quế Võ, xã Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất thiết bị điện, chiếu sáng	1.252
297.	Công ty TNHH Getac Precision technology Việt Nam	Lô L1, 2, 3, 5, 6, 7, KCN Quế Võ, phường Vân Dương, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất khuôn mẫu	5.399

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
298.	Công ty TNHH quốc tế Bright Việt Nam	KCN Thuận Thành II, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất đồ gia dụng gang tráng men cao cấp	8.116
299.	Công ty TNHH SEOJIN AUTO	Lô J5, KCN Đại Đồng, xã Hoàn Sơn, phường Tân Hồng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu - linh kiện điện tử	15.276
300.	Công ty TNHH Kính nổi Việt Nam	KCN Quế Võ mở rộng, xã Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	31.893
301.	Công ty TNHH DAE Myung Việt Nam	KCN Yên Phong, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất linh kiện điện tử	1.267
302.	Công ty TNHH Willtech Vina	Lô KT1, A2, KCN Quế Võ mở rộng, xã Nam Sơn, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất linh kiện điện tử	1.150
303.	Công ty TNHH S-MAC Vina	Lô E8, KCN Quế Võ, phường Vân Dương, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất linh kiện điện tử	2.611
304.	Công ty TNHH Sungwoo Vina	KCN Thuận Thành 3, xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất linh kiện điện tử	2.962
305.	Công ty TNHH M-Tech Việt Nam	KCN Yên Phong, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất linh kiện điện tử	2.001
306.	Công ty TNHH Sumitomo Electric Interconnect Products Việt Nam	Lô 3, TS 6, KCN Tiên Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất linh kiện điện tử	1.196
307.	Công ty TNHH Woojeon Vina	Lô F2, KCN Quế Võ mở rộng, xã Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất linh kiện điện tử	1.938

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
308.	Công ty TNHH Em-Tech Việt Nam	KCN Hạp Lĩnh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất linh kiện điện tử	2.167
309.	Công ty TNHH JMT VN	KCN Quế Võ 2, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất linh kiện điện tử	20.889
310.	Công ty TNHH Segyung VINA	Lô H1, KCN Quế Võ, xã Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất linh kiện điện tử	4.138
311.	Công ty TNHH Wisol Hà Nội	Số 26, đường số 5, KCN VSIP Bắc Ninh, xã Phù Chẩn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất linh kiện điện tử	3.005
312.	Công ty TNHH KDA M&C	KCN Yên Phong, xã Đông Phong, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất linh kiện điện tử	3.476
313.	Công ty TNHH Crucialtec Vina	KCN Yên Phong, xã Long Châu, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất linh kiện điện tử	1.975
314.	Công ty TNHH Samho Press Việt Nam	Lô C6, 1, 1, KCN Quế Võ, phường Nam Sơn, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất linh kiện điện tử	1.069
315.	Công ty TNHH Bujeon Việt Nam Electronics	KCN Quế Võ mở rộng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất linh kiện điện tử	2.131
316.	Công ty TNHH Daeil Tech Việt Nam	Lô F4, 1, KCN Quế Võ mở rộng, phường Nam Sơn, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất linh kiện điện tử	1.563
317.	Công ty TNHH Sản xuất Biel Crystal Việt Nam	Số 98, đường Hữu Nghị, KCN VSIP Bắc Ninh, xã Đại Đồng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất radio, thiết bị truyền thông	4.084
318.	Công ty TNHH M & C Electronics Vina	Lô J1, KCN Quế Võ mở rộng, xã Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất linh kiện điện tử	3.476
319.	Công ty TNHH Jang Won Tech Vina	Lô G1, KCN Quế Võ mở rộng, xã Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất linh kiện điện tử	4.042

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
320.	Công ty TNHH Seojin System Vina	Lô 23, đường TS 5, KCN Tiên Sơn, phường Đồng Nguyên, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất radio, thiết bị truyền thông	7.512
321.	Công ty TNHH Hà Nội Seowonintech	KCN Yên Phong, xã Long Châu, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất linh kiện điện tử	2.908
322.	Công ty TNHH điện tử Foster (Bắc Ninh)	Số 1, đường 11, KCN VSIP Bắc Ninh, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất linh kiện điện tử	2.968
323.	Công ty TNHH AG Tech	Lô G3, KCN Quế Võ mở rộng, phường Nam Sơn, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất linh kiện điện tử	3.009
324.	Công ty TNHH Goertek Vina	Lô K, 08, KCN Quế Võ, phường Nam Sơn, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất linh kiện điện tử	4.236
325.	Công ty TNHH Synopex Vina 2	Xã Đông Thọ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất linh kiện điện tử	5.957
326.	Công ty TNHH ITM Semiconductor Việt Nam	Số 06, đường 11, KCN VSIP Bắc Ninh, xã Phù Chẩn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất linh kiện điện tử	7.340
327.	Công ty TNHH Fushan Technology Việt Nam	Số 8 đường 6, KCN VSIP, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất linh kiện điện tử	4.948
328.	Công ty TNHH AAC Technologies Việt Nam	Lô số K4, 2F, KCN Quế Võ, phường Vân Dương, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất, lắp ráp sản phẩm âm học điện tử	6.733
329.	Công ty TNHH Funing Precision Component (Bắc Ninh)	Lô B, KCN Quế Võ, phường Vân Dương, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất linh kiện điện tử	11.473
330.	Công ty TNHH Dreamtech Việt Nam	Số 100 đường Hữu Nghị, KCN VSIP Bắc Ninh, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất linh kiện điện tử	8.765

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
331.	Công ty TNHH Seojin Vina	Đường TS3, KCN Tiên Sơn, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu - linh kiện điện tử	7.513
332.	Công ty TNHH Intops Việt Nam	KCN Yên Phong, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất linh kiện điện tử	8.044
333.	Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam	KCN Yên Phong, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất thiết bị truyền thông	54.924
334.	Công ty TNHH Samsung Display Việt Nam	KCN Yên Phong, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất linh kiện điện tử	145.183
335.	Công ty Cổ phần Mỹ Á	Liền kề KCN Quế Võ, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bên	1.634
336.	Công ty Cổ phần Tuấn Cường	Cụm công nghiệp Mả Ông, phường Đình Bảng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất sắt, thép	1.088
337.	Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Hợp Lực	Lô II, 1.2 KCN Quế Võ II, xã Ngọc Xá, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Đúc thép	6.786
338.	Công ty TNHH nước giải khát và thực phẩm Suntory Việt Nam	Số 22, đường 5, KCN VSIP Bắc Ninh, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất đồ uống	1.213
339.	Công ty Cổ phần công nghệ thực phẩm Châu Á	Số 8, đường TS15, KCN Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất, kinh doanh trong ngành hàng thực phẩm	1.256

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
340.	Nhà máy sữa đậu nành Vinasoy Bắc Ninh - Chi nhánh Công ty Cổ phần đường Quảng Ngãi	Đường TS, KCN Tiên Sơn, phường Đồng Nguyên, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	3.477
341.	Công ty TNHH Orion Vina	KCN Yên Phong, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất chế biến thực phẩm	7.208
342.	Công ty Cổ phần Catalan	Khu Đồng Chúa, xã Đông Thọ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất gạch ốp lát	55.700
3. Tỉnh Hà Nam				
343.	Công ty Cổ phần CASLA	KCN Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Sản xuất sợi, dệt vải	2.285
344.	Công ty cổ phần nhựa Kiên An	Cụm công nghiệp Kim Bình, xã Kim Bình, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Sản xuất tấm nhựa	1.044
345.	Công Ty TNHH JY Plastic	Cụm công nghiệp Bình Lục, xã Trung Lương, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam	Sản xuất các sản phẩm từ nhựa	1.726
346.	Công ty TNHH Nhôm ASEAN	KCN Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Sản xuất thanh nhôm định hình	1.131
347.	Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	Đường N3, Khu C, KCN Hòa Mạc, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Sản xuất Pin	18.126
348.	Công ty CP Vải địa kỹ thuật Việt Nam	Lô 80C, KCN Đồng Văn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Sản xuất vải địa kỹ thuật	1.236
349.	Công ty YKK Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	KCN Đồng Văn II, Hoàng Đông, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	1.891
350.	Công ty TNHH Gemtek Việt Nam	KCN Đồng Văn II, Duy Minh, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Sản xuất thiết bị điện tử	1.231

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
351.	Công ty TNHH Mns Meat Hà Nam	Lô CN-02 KCN Đồng Văn IV, xã Đại Cương, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1.212
352.	Công ty cổ phần Khoáng sản Tân Thủy	Số 33 Nguyễn Quốc Hiệu, Khu đô thị Nam Trần Hưng Đạo, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Khai thác sét, cát, sỏi; vận tải	1.552
353.	Chi nhánh Công ty TNHH Quốc tế Vũ Gia	KCN Đồng Văn IV, xã Đại Cương, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam	Sản xuất sợi	4.480
354.	Công ty TNHH Dệt may Châu Giang	Xã Hòa Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam	Sản xuất các sản phẩm dệt, may (trừ đồ da)	1.832
355.	Công ty Cổ phần Đầu tư công nghệ và thương mại Ha Na	Thôn Lê Lợi, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Sản xuất sợi bông	1.809
356.	Công ty Cổ phần Vikohasan	KCN Đồng Văn IV, xã Đại Cương, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam	Sản xuất sợi	7.413
357.	Công ty Cổ phần Nam Vang Hà Nam	Lô F3, đường N4, KCN Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Sản xuất xơ, sợi	5.586
358.	Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần dệt may Hà Nội tại Hà Nam	KCN Đồng Văn II, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Sản xuất sợi dệt may	4.710
359.	Công ty TNHH sợi Long Vân	KCN Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Sản xuất sợi, dệt vải	5.432
360.	Công ty TNHH Dệt Đài Nguyên Việt Nam	KCN Đồng Văn II, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Sản xuất dệt kim, se sợi và sản phẩm may	7.318
361.	Công ty TNHH Dệt Hà Nam	KCN Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Sản xuất sợi, dệt vải	13.896
362.	Công ty TNHH Nittoku Việt Nam	Cụm công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam	Sản xuất giấy	6.085

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
363.	Công ty TNHH Quang Quân	KCN Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Sản xuất sản phẩm từ nhựa	1.239
364.	Công ty Cổ phần nhựa Quỳnh Hằng SP	Lô C, KCN Đồng Văn I, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Sản xuất sản phẩm từ nhựa	1.422
365.	Công ty Cổ phần JY Plasteel Vina	KCN Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Sản xuất các sản phẩm từ nhựa	2.271
366.	Công ty TNHH nhựa Đông Á	KCN Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Sản xuất các sản phẩm từ nhựa	2.101
367.	Công ty TNHH Dream Plastic	Lô C + D, KCN Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Sản xuất sản phẩm khác từ nhựa	14.919
368.	Công ty Cổ phần nhựa Châu Âu	KCN Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Sản xuất nhựa và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	5.806
369.	Công ty TNHH hệ thống dây dẫn Sumi Việt Nam	Lô B1, KCN Đồng Văn II, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Sản xuất dây cáp điện	1.334
370.	Công ty TNHH Đồng kỹ thuật Korea Việt Nam	KCN Đồng Văn I, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Sản xuất dây điện từ và các loại đồng	2.783
371.	Công ty TNHH ACE Antenna	KCN Đồng Văn II, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Sản xuất ăng ten, bộc lọc tần	1.884
372.	Công ty TNHH Dorco Vina - Chi nhánh Hà Nam	Đường D3, khu G, KCN Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	3.618
373.	Công ty Honda Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	KCN Đồng Văn II, thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Sản xuất lắp ráp xe gắn máy và các phụ tùng xe máy honda	8.056
374.	Công ty TNHH SRE Việt Nam	KCN Đồng Văn II, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại	1.298

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
375.	Công ty TNHH Anam Electronics Việt Nam	KCN Đồng Văn IV, xã Đại Cương, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam	Sản xuất các sản phẩm điện tử, âm thanh	1.174
376.	Công ty TNHH Finetek Việt Nam	Lô A1, 3, đường N2, khu A, KCN Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Sản xuất linh kiện điện tử	1.608
377.	Công ty TNHH Hankook AI Tec Vina	KCN Đồng Văn I, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Sản xuất linh kiện điện tử	1.129
378.	Công ty TNHH Seoul Semiconductor Vina	KCN Đồng Văn I mở rộng, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Sản xuất linh kiện điện tử	10.242
379.	Công ty FrieslandCampina Hà Nam	Cụm công nghiệp Tây Nam, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Sữa và các sản phẩm từ sữa	4.811
380.	Công ty Cổ phần bia Sài Gòn - Phủ Lý	Thôn Quang Trung, xã Thanh Hà, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam	Sản xuất bia	5.998
381.	Công ty TNHH Number One Hà Nam	Cụm công nghiệp Kiện Khê, thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam	Sản xuất đồ uống giải khát và thực phẩm	3.123
382.	Công ty CP Hacera	Cụm công nghiệp Tây Nam, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Khai thác đất sét, cát, sỏi; sản xuất gạch men	2.160
4. Tỉnh Hải Dương				
383.	Công ty TNHH công nghiệp Oriental Sports	Xã Đồng Lạc, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	Sản xuất giày dép	1.041
384.	Công ty TNHH Quốc Tế Ngân Tường	Lô 01, 02, 03 Điểm tiểu thủ công nghiệp, xã Gia Xuyên, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương	Sản xuất sợi	3.110
385.	Công ty TNHH Giầy Ngọc Hưng	Cụm công nghiệp Lương Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương	Sản xuất giầy dép	1.916

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
386.	Công ty TNHH Vietory	Phường Hiệp An, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	Sản xuất giày dép	1.319
387.	Công ty Cổ phần Giầy Cẩm Bình	Thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương	Sản xuất giầy dép	2.735
388.	Công ty TNHH Dệt Pacipic Crystal	KCN Lai Vu, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương	Sản xuất sợi, vải dệt thoi và hoàn thiện sản phẩm dệt	3.243
389.	Công ty TNHH Best Pacific Việt Nam	Lô đất IN4.1.1 KCN Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	4.696
390.	Công ty TNHH Thương mại Bảo Long	KDC Bình Giang, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương	Sản xuất kinh doanh sợi, vải	4.226
391.	Công ty TNHH may Tinh Lợi	KCN Nam Sách, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	6.531
392.	Công ty Cổ phần Tấn Hưng	Thôn Ngọc Lặc, xã Ngọc Sơn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa	1.308
393.	Công ty TNHH MTV Thương mại Tuấn Tài	Phường Thất Hùng, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	Sản xuất giấy, bao bì	2.900
394.	Công ty TNHH Thành Dũng	Phường Long Xuyên, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	Sản xuất giấy nhăn và bìa nhăn	3.513
395.	Công ty TNHH FJ Plastics Việt Nam	Cụm công nghiệp phía Tây, đường Ngô Quyền, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Sản xuất sản phẩm từ nhựa	1.015
396.	Công ty TNHH Hóa nhựa Đệ nhất - Chi nhánh Hải Dương	KCN Nam Sách, phường Ái Quốc, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Sản xuất sản phẩm từ nhựa	1.065

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
397.	Công ty TNHH Kuroda Kagaku Việt nam	KCN Phúc Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương	Sản xuất các sản phẩm khác từ nhựa	1.420
398.	Công ty TNHH Nishoku Technology Việt Nam	KCN Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương	Sản xuất sản phẩm từ nhựa	1.753
399.	Công ty TNHH Công nghệ Vĩnh Hàn Precision	KCN Phúc Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương	Sản xuất sản phẩm khác từ nhựa	1.901
400.	Công ty Cổ phần Trung Kiên	Thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương	Sản xuất bao bì từ nhựa	3.418
401.	Công ty Cổ phần Nhựa và môi trường An Phát xanh	Cụm công nghiệp An Đồng, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	Sản xuất bao bì từ nhựa	12.655
402.	Công ty TNHH Arion Electric Việt Nam	KCN Phúc Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	1.044
403.	Công ty TNHH Sky Dragon Việt Nam	Thôn Quàn, xã Minh Đức, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	2.380
404.	Công ty TNHH During Việt Nam	Lô đất XN 1, 1, KCN Đại An mở rộng, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương	Sản xuất xe có động cơ	1.560
405.	Công ty Cổ phần Chemilens Việt Nam	Lô đất XN42, I, KCN Đại An, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Sản xuất các sản phẩm phi kim loại	1.986
406.	Công ty TNHH ShinYang Metal Việt Nam	KCN Đại An mở rộng, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương	Sản xuất các sản phẩm từ kim loại	2.162
407.	Công ty TNHH Tung Yang	Xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương	Sản xuất xe đạp và xe cho người tàn tật	2.103

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
408.	Công ty TNHH Công nghệ Nissei Việt Nam	KCN Phúc Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương	Sản xuất các thiết bị, dụng cụ điện	2.164
409.	Công ty TNHH GFT Unique Việt Nam	Cụm công nghiệp Ngũ Hùng, xã Thanh Giang, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	2.300
410.	Công ty TNHH SUMIDENSO Việt Nam	KCN Đại An, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2.471
411.	Công ty TNHH dây và cáp điện ôtô Sumiden VN	KCN Đại An, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	3.115
412.	Công ty TNHH Việt Nam Toyo Denso	KCN Nam Sách, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	3.054
413.	Công ty TNHH GFT Việt Nam	Xã Cộng Lạc, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương	Sản xuất, gia công chế tạo đồ chơi trẻ em	3.695
414.	Công ty TNHH Nhôm Đông Á	Phường Tân Dân, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương	Sản xuất nhôm định hình	4.964
415.	Công ty TNHH Kefico Việt Nam	KCN Đại An, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	5.624
416.	Công ty TNHH KPF Việt Nam	KCN Đại An mở rộng, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương	Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu	6.285

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
417.	Công ty TNHH Uniden Việt Nam	Lô 5.1, KCN Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương	Sản xuất thiết bị truyền thông	1.045
418.	Công ty TNHH Ilshin Electronics Vina	KCN Đại An mở rộng, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương	Sản xuất linh kiện điện tử	1.147
419.	Công ty TNHH Aiden Việt Nam	KCN Nam Sách, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Sản xuất linh kiện điện tử	1.090
420.	Công ty TNHH KCN kỹ thuật cao An Phát	KCN công nghệ cao An Phát, Km47, QL5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Sản xuất linh kiện điện tử	3.775
421.	Công ty TNHH Hitachi Cable Việt Nam	KCN Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương	Sản xuất dây cáp, dây điện và điện tử khác	2.407
422.	Công ty TNHH Điện tử Iriso Việt Nam	KCN Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương	Sản xuất linh kiện điện tử	2.627
423.	Công ty TNHH SD Global Việt Nam	KCN Đại An mở rộng, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương	Sản xuất linh kiện điện tử	4.460
424.	Công ty TNHH Điện tử UMC Việt Nam	KCN Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương	Sản xuất linh kiện điện tử	3.522
425.	Công ty TNHH Công nghiệp Brother Việt Nam	KCN Phúc Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	4.507
426.	Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Thượng Đình - NM Bắc Dương	Xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương	Sản xuất dây cáp, dây điện và điện tử khác	5.053

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
427.	Công ty TNHH PCC Lục Xương Việt Nam	KCN Đại An mở rộng, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương	Sản xuất kim loại	1.038
428.	Công ty TNHH Thương mại Thạch Dương	Thôn Tông Phố, xã Thanh Quang, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	Sản xuất sắt, thép, gang	1.202
429.	Công ty TNHH chế xuất sợi thép Dusco Vina	Lô 15, KCN Nam Sách, phường Ái Quốc, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Sản xuất kim loại	1.283
430.	Công ty TNHH MTV Thuận Phát Hải Dương	Xã Hưng Thịnh, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương	Sản xuất sắt, thép, gang	3.892
431.	Công ty Cổ phần thép Minh Phú - Hải Dương	Lô CN7, 3, KCN Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương	Sản xuất sắt, thép, gang	5.285
432.	Công ty Cổ phần Tân Hà Kiều	Phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	Luyện kim - Công nghiệp nặng	51.183
433.	Công ty Cổ phần Luyện kim Tân Nguyên Hải Dương VN	Phường Phú Thứ, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	Luyện kim - Công nghiệp nặng	86.999
434.	Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát	Phường Hiệp Sơn, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	Sản xuất gang thép	104.141
435.	Công ty Cổ phần Sản xuất dịch vụ thương mại Hoàng Gia Việt	Số 23/15, phố Cựu Khê, khu 9, phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Xay xát và sản xuất bột	1.443
436.	Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Dương	Phố Quán Thánh, phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1.109
437.	Công ty Cổ phần Trúc Thôn	Thôn Trúc, phường Cộng Hòa, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương	Sản xuất gạch ốp lát, gạch chịu lửa và đất đèn	4.215

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
5. Thành phố Hải Phòng				
438.	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng	Sản xuất điện	1.717.503
439.	Công ty TNHH Tân Vĩnh Hưng	Xã Quang Trung, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1.115
440.	Công ty TNHH Giầy Stateway Việt Nam	Phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	Sản xuất giầy dép	1.015
441.	Công ty TNHH Sao Vàng	Thị trấn Trường Sơn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng	Sản phẩm giầy da	1.232
442.	Công ty Cổ phần Thuận Ích	Tầng 3 tòa nhà Tower, 32 Trần Phú, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	Sản xuất giày, dép	1.609
443.	Công ty TNHH Đình Vàng	1167 Nguyễn Bỉnh Khiêm, phường Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Sản xuất giầy dép da xuất khẩu	1.388
444.	Công ty TNHH công nghiệp giầy Aurora Việt Nam	Xã Thiên Hương, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng	Sản xuất giầy xuất khẩu	3.662
445.	Công ty TNHH Jasan Việt Nam	Số 2, đường 17, KCN VSIP, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	4.158
446.	Công ty TNHH Regina Miracle international Việt Nam	Số 9 đường Đông Tây, KCN VSIP, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	48.404
447.	Công ty Cổ phần đầu tư Quốc tế Thủy Hải	Thôn Song Mai, xã An Hồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1.433
448.	Công ty Cổ phần hóa chất Minh Đức	Xã Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng	Sản xuất hóa chất cơ bản	8.520

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
449.	Công ty TNHH Vinh An	Xã Kênh Giang, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng	Sản xuất nhựa	1.107
450.	Công ty TNHH Terai Vina	KCN Nomura, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	Sản xuất sản phẩm từ nhựa tổng hợp	1.190
451.	Công ty TNHH Fujikura Composites Hải Phòng	Lô D3, D6, KCN Nomura Hải Phòng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	Sản xuất nhựa và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	1.281
452.	Công ty TNHH SIK Việt Nam	KCN Nomura, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	Sản xuất sản phẩm từ nhựa	1.390
453.	Công ty TNHH Zhongxin Ya Tai	Lô L1.9A và L1.9B KCN Đồ Sơn, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng	Sản xuất sản phẩm từ nhựa	1.379
454.	Công ty TNHH Cheng - V	Lô L3.5B KCN Đồ sơn, thành phố Hải Phòng	Sản xuất sản phẩm từ cao su và nhựa	1.434
455.	Công ty TNHH Takata Precision Việt Nam	KCN Nomura, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	Sản xuất và lắp ráp linh kiện nhựa kỹ thuật có độ chính xác cao	1.499
456.	Công ty công nghiệp nhựa Chinhuei	Km9, đường Phạm Văn Đồng, phường Hải Thành, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	Sản xuất sản phẩm từ nhựa	1.987
457.	Công ty TNHH nhựa Phú Lâm	Km9, đường Phạm Văn Đồng, phường Hải Thành, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	Sản phẩm giả da, màng nhựa	6.307
458.	Công ty TNHH sản xuất lốp xe Bridgestone Việt Nam	KCN Đình Vũ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Sản xuất lốp ô tô	2.418
459.	Công ty Cổ phần nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Số 2, đường An Đà, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	Sản xuất ống nhựa PVC các loại	6.024

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
460.	Công ty TNHH Sunmax Việt Nam	Km8, đường Phạm Văn Đồng, phường Hải Thành, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	Sản xuất sản phẩm từ cao su và nhựa	2.430
461.	Công ty TNHH Nichias Hải Phòng	KCN Nomura, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	Sản xuất gioăng đệm, bộ lọc khí	1.671
462.	Công ty TNHH Yazaki Hải Phòng Việt Nam	KCN Nomura, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	1.005
463.	Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất và thương mại Tuấn Anh	Số 577, đường Trường Chinh, phường Quán Trữ, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng	Sản xuất đệm	1.156
464.	Công ty TNHH Tohoku Pioneer Việt Nam	KCN Nomura, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	Sản xuất thiết bị điện	1.243
465.	Công ty CNTT Nam Triệu	Xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng	Đóng mới, sửa chữa tàu thủy	1.428
466.	Công ty TNHH Fuji Xerox Hải Phòng	Lô IN, 1, 3, KCN VSIP, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng	Sản xuất máy in, máy Photocopy	1.337
467.	Công ty TNHH MTV Đóng tàu Phà Rừng	Thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng	Đóng tàu và cấu kiện nổi	1.239
468.	Công ty TNHH Synztec Việt Nam	KCN Nomura, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	Sản xuất và kinh doanh các linh kiện phụ kiện	1.838
469.	Công ty TNHH Iko Thompson Việt Nam	KCN Nomura, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	Sản xuất vòng bi và các máy móc	1.865
470.	Công ty TNHH HT Solar Việt Nam	Lô F3 KCN Tràng Duệ, xã Hồng Phong, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	4.329

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
471.	Công ty TNHH Toyoda Gosei Hải Phòng	KCN Nomura, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	Sản xuất phụ tùng ô tô	2.074
472.	Công ty Cổ phần Polyfill	Lô CN1, 01 KCN Nam Đình Vũ, thành phố Hải Phòng	Sản xuất hạt filer masterbatch và compound	5.055
473.	Công ty Cổ phần cáp điện LS VINA	Cầu Bính, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	Sản xuất các loại cáp điện	4.726
474.	Công ty TNHH Toyota Boshoku Hải Phòng	KCN Nomura, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	Sản xuất linh kiện ôtô	4.639
475.	Công ty TNHH Hapaco	Km 17 quốc lộ 5, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	Sản xuất bao bì bằng gỗ	6.823
476.	Công ty TNHH Thủy tinh Sanmiguel Yamamura Hải Phòng	Số 17A Ngô quyền, thành phố Hải Phòng	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	6.942
477.	Công ty liên doanh sản xuất thép Vinausteel	Km9, phường Quán Toan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	Sản xuất thép thanh xây dựng	7.024
478.	Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh Vinfast	KKT Đình Vũ, thị trấn Cát Hải, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng	Sản xuất ô tô	9.083
479.	Công ty sản xuất thép ÚC SSE	Km9, phường Quán Toan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	Sản xuất các cấu kiện kim loại	9.863
480.	Công ty TNHH CN chính xác EVA Hải Phòng	139 Đại lộ Đông Tây, KCN VSIP, thành phố Hải Phòng	Sản xuất Khuôn mẫu chính xác	1.165
481.	Công ty TNHH Woosung Electronics	Lô K2, KCN Tràng Duệ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	Sản xuất linh kiện điện tử	1.695

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
482.	Công ty TNHH Ohsung Vina	Lô C5,1 KCN Tràng Duệ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	Sản xuất linh kiện điện tử	1.634
483.	Công ty TNHH Krems Việt Nam	Lô N4, KCN Tràng Duệ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	Sản xuất linh kiện điện tử	1.923
484.	Công ty TNHH Công nghệ Kyocera Mita Việt Nam	Lô 56A, KCN VSIP, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	1.672
485.	Công ty TNHH Heesung Electronics Việt Nam	Lô G1 KCN Tràng Duệ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	Sản xuất linh kiện điện tử	1.631
486.	Công ty TNHH Rorze Robotech	KCN Nomura, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	Sản xuất rô bốt công nghiệp	2.490
487.	Công ty TNHH Halla Electronics Vina	Lô L4, KCN Tràng Duệ, xã Hồng Phong, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	Sản xuất linh kiện điện tử	2.430
488.	Công ty TNHH Haengsung Electronics	Lô K1, KCN Tràng Duệ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	Sản xuất linh kiện điện tử	3.037
489.	Công ty TNHH điện tử Chilisin Việt Nam	Số 143,145, đường số 10, KCN VSIP, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng	Sản xuất thiết bị điện tử	6.923
490.	Công ty TNHH điện tử Dong Yang	Lô C5, 3, KCN Tràng Duệ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	Sản xuất linh kiện điện tử	3.212
491.	Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam - Hải Phòng	KCN Tràng Duệ, An Dương, thành phố Hải Phòng	Sản xuất thiết bị điện tử	10.627

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
492.	Công ty TNHH LG Innotek Việt Nam Hải Phòng	Lô I4, KCN Tràng Duệ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	Sản xuất linh kiện điện tử	10.672
493.	Công ty TNHH LG Dislay Việt Nam Hải Phòng	Lô E KCN Tràng Duệ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	Sản xuất linh kiện điện tử	23.105
494.	Công ty TNHH Ống thép Vinapipe	Km9, phường Quán Toan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	Sản xuất sắt, thép, gang	1.319
495.	Công ty TNHH Cơ khí Việt Nhật	Km9, Quán Toan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	Đúc sắt thép	1.456
496.	Công ty Cổ phần Kinh doanh chế biến hàng Xuất nhập khẩu Đà Nẵng	Số 31 Đông Khê, phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	Đúc kim loại	3.068
497.	Công ty TNHH đầu tư phát triển Nam Thuận	KCN Đình Vũ, thành phố Hải Phòng	Sản xuất sắt, thép, gang	5.339
498.	Công ty Cổ phần luyện thép Việt Ý	KCN Cầu Kiền, xã Hoàng Động, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng	Sản xuất phôi thép	33.423
499.	Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng	16 Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	SP bia hơi, bia chai	2.046
500.	Công ty Cổ phần Habeco Hải Phòng	Thị trấn Trường Sơn, An Lão, thành phố Hải Phòng	Sản xuất Bia chai, lon	5.505
501.	Công ty TNHH chế tạo Canadian Solar Việt Nam	D11 số 5 đường Đông Tây, KCN VSIP, Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	1.872

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
6. Tỉnh Hưng Yên				
502.	Công ty Cổ phần Quốc Tế INOX Hoà Bình	Thôn Yên Phú, Xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất thép, inox	1.087
503.	Công Ty Cổ Phần ABC Việt Nam	Thôn Khả Duy, xã Đoàn Đào, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	1.132
504.	CN Công ty TNHH La vie tại Hưng Yên	Thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất đồ uống	1.179
505.	Công ty cổ phần Mavin Austfeed	Xã Hồng Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	1.235
506.	Công ty TNHH SX-TM Hòa Bình	Xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất Inox	1.272
507.	Công ty Cổ phần Agrifeed Việt Nam	Thôn Ngọc Lãng, xã ngọc lâm, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	1.347
508.	Công ty TNHH Minh Hiếu Hưng Yên	Thôn Bình Lương, xã Tân Quang, Văn Lâm, Hưng Yên	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	1.530
509.	Công ty TNHH Nikkiso Việt Nam	Lô đất C6 và C7 KCN Thăng Long II, Yên Mỹ, Hưng Yên	SX thiết bị y tế, bộ phận máy bay	1.688
510.	Công ty Cổ phần công nghệ cao TRAPHACO	Xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất thuốc	1.903
511.	Công ty TNHH TOKO Việt Nam	Xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất gạch ốp lát	4.164
512.	Công ty Cổ phần khai thác và quản lý dịch vụ đô thị Ecopark	Khu đô thị thương mại và du lịch Văn Giang, xã Xuân Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	Chiếu sáng	6.764

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
513.	Công ty TNHH điện tử Annex	Đường B3, Khu B, KCN Phố Nối A, xã Minh Hải, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Sản xuất linh kiện	1.019
514.	Công ty Cổ phần Haplast	Thôn Đỗ Hạ, Xã Quang Vinh, Huyện Ân Thi, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Sản xuất túi nhựa	1.129
515.	Công ty cổ phần New Rice	Km30, Quốc lộ 5A, phường Bạch Sam, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Sản xuất bánh kẹo	1.210
516.	Công ty TNHH PMJ Greentech	Phường Bạch Sam, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất	1.314
517.	Công ty TNHH Suzuran Việt Nam	Lô đất số M2, M3, M4, Khu Công Nghiệp Thăng Long II, Phường Dị Sử, Thị xã Mỹ Hào, Hưng Yên	Sản xuất vải dệt thoi	1.731
518.	Công ty TNHH NKC Hưng Yên	Phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất	1.928
519.	Công ty Cổ phần Gas Việt Nhật - chi nhánh Hưng Yên	KCN Thăng Long II, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất khí đốt	4.536
520.	Công ty Cổ phần Sợi Việt Nhật	Thôn Bá Khê, xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất sợi	1.449
521.	Công ty TNHH Dệt nhuộm Jasan (Việt Nam)	KCN Phố Nối B, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1.941
522.	Công ty TNHH dệt may Lee Hing Việt Nam	Lô 4, KCN Dệt May Phố Nối, xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	6.162
523.	Công ty TNHH Giày Ngọc Tề	Xã Nghĩa Hiệp, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất giày dép	3.037
524.	Công ty Cổ phần Hưng Phú	KCN Dệt may Phố Nối B, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất sợi, dệt vải	2.951

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
525.	Công ty TNHH MTV Dệt 8 - 3	Thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất sợi	2.564
526.	Công ty TNHH Dệt và Nhuộm Hưng Yên	KCN Dệt may Phố Nối, xã Nghĩa Hiệp, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất sợi	2.638
527.	Công ty TNHH Bao Bì Việt Hưng	Thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	2.078
528.	Công ty Cổ phần thép không gỉ A&T	Km31, QL 5A , thôn Trại, xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	1.649
529.	Công ty TNHH Bao bì Tân Kim Cương	Thôn Chí Trung, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất bao bì từ giấy và bìa	3.700
530.	Công ty TNHH JP Corelex Việt Nam	Đường B1, khu B, KCN Phố Nối A, xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất giấy lụa	3.320
531.	Công ty TNHH SOC Việt Nam	Lô đất G7, KCN Thăng Long II, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu	1.074
532.	Công ty TNHH Vietinak	Lô đất số C5, KCN Thăng Long II, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	1.015
533.	Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ Minh Tâm	Xã Dân Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất sản phẩm từ nhựa	1.102
534.	Công ty TNHH thiết bị điện nước Phúc Hà	Thôn Chí Trung, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất sản phẩm từ nhựa	1.786
535.	Công ty Cổ phần nhựa OPEC	Lô 16, đường 206, Khu A, KCN Phố Nối A, xã Đình Dù, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất sản phẩm từ nhựa	1.320
536.	Công ty Cổ phần Nhựa Hưng Yên	Số 115, Nguyễn Thiện Thuật, phường Minh khai, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất nhựa	4.160

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
537.	Công ty TNHH AAB	Xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất sản phẩm từ cao su	1.601
538.	Công ty TNHH PIC Việt Nam	Đường B1, khu B, KCN Phố Nối A, xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất sản phẩm từ nhựa	2.138
539.	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất nhựa, bao bì	1.934
540.	Công ty TNHH An Quý Hưng Yên	Xã Bạch Sam, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất nhựa và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	3.085
541.	Công ty TNHH Song Long	Xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất nhựa	3.555
542.	Công ty Cổ phần Daikin Air Conditioning Việt Nam	KCN Thăng Long II, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất máy thông dụng khác	1.214
543.	Công ty TNHH Thép Dây Hòa Phát	KCN Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	1.673
544.	Công ty TNHH Dây và cáp điện Ngọc Khánh	Thôn An Lạc, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất dây cáp điện	1.392
545.	Công ty TNHH Dây và cáp điện Ô tô Sumiden VN - Chi nhánh Hưng Yên	Lô đất E7 và E8, KCN Thăng Long II, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu	1.987
546.	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	1.749
547.	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thái Dương	Xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất các sản phẩm Inox	2.027

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
548.	Công ty Cổ phần kính an toàn Việt Nhật	Km29+500 QL5A, thôn Cầu Lường, xã Bạch Sam, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2.086
549.	Công ty TNHH thép cán nguội Hòa Phát	Khu D, KCN Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất các sản phẩm thép	2.639
550.	Công ty TNHH đầu tư ứng dụng sản xuất Bao Bì Việt	KCN Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất Bao bì	2.491
551.	Công ty TNHH Musashi Auto Parts Việt Nam	KCN Thăng Long II, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2.101
552.	Công ty TNHH Toto Việt Nam - chi nhánh Hưng Yên	Lô đất số M7, M8, KCN Thăng Long II, xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	10.133
553.	Công ty TNHH Gia Anh Hưng Yên	Km7 quốc lộ 39, xã Trung Hưng, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	1.712
554.	Công ty TNHH Dorco Vina	Đường B3, khu B, KCN Phố Nối A, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất dao cạo râu	4.883
555.	Công ty TNHH Kết cấu thép 568	Km 33, Quốc lộ 5A, xã Minh Đức, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất máy móc thiết bị	2.924
556.	Công ty TNHH Thiết bị điện Lioa	Xã Đình Dù, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất dây và thiết bị dây dẫn	3.054
557.	Công ty TNHH Thương mại và Công nghiệp Mỹ Việt	Xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	6.526

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
558.	Công ty Cổ phần Hyundai Aluminum ViNa	Đường B2, khu B, KCN Phố Nối A, xã Lạc Hồng, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất thép xây dựng	13.978
559.	Công ty TNHH sản xuất và thương mại Minh Ngọc	Khu D, KCN Phố Nối A, xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Gia công cơ khí	1.516
560.	CN Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	Thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất ống thép, phụ kiện nối	11.264
561.	Công ty TNHH sản xuất phụ tùng ô tô xe máy Việt Nam	Thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy	10.455
562.	Công ty TNHH HOYA Glass Disk VN II	KCN Thăng Long II, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất đĩa	12.382
563.	Công ty TNHH Dong Yang E và P Việt Nam	Xã Nhân Hòa, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất linh kiện điện tử	1.041
564.	Công ty Cổ phần Minh An	Thôn Đa Phúc, xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất linh kiện điện tử	1.407
565.	Công ty TNHH Hamaden Việt Nam	KCN Thăng Long II, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất kinh kiện điện tử	2.204
566.	Công ty TNHH Sews - Components Việt Nam	Lô D2 và D3, KCN Thăng Long II, Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất kinh kiện điện tử	2.231
567.	Công ty TNHH Mektec Manufacturing Việt Nam	Xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất linh kiện điện tử	4.046

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
568.	Công ty TNHH Kyocera Việt Nam	Lô đất B1, KCN Tăng Long II, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất kinh kiện điện tử	5.128
569.	Công ty TNHH Thép Nhật Quang	Xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất thép	1.570
570.	Công ty Cổ phần Ống đồng Toàn Phát	Đường B4, khu B, KCN Phố Nối A, xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất ống đồng	2.782
571.	Công ty TNHH Công nghiệp Chính Đại	KCN Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất sắt, thép	6.871
572.	Công ty Cổ phần thép Việt - Ý	KCN Phố Nối A, xã Gia Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất thép xây dựng	4.784
573.	Công ty TNHH Tôn Hòa Phát	Đường E1, khu E, KCN Phố Nối A, xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất sắt, thép, gang	10.067
574.	Công ty TNHH MTV Thép Hòa Phát	KCN Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất sắt, gang, thép	45.608
575.	Công ty TNHH MTV Kinh Đô miền Bắc	Km 22 QL5A, thị trấn Bần Yên Nhân, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất các loại bánh từ bột	2.043
576.	Công ty Cổ phần Thực phẩm xuất khẩu Trung Sơn Hưng Yên	Thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất thực phẩm	1.852
577.	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Công nghệ Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	Đường 206, KCN Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất bia, rượu	2.099
578.	Công ty Cổ phần Kim Tín Hưng Yên	KCN Phố Nối A, xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Bán buôn và bán lẻ	3.018

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
579.	Công ty TNHH Taeyang Việt Nam	KCN Phố Nối A, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	3.302
580.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Acecook Việt Nam	KCN Như Quỳnh A, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Bán buôn (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	19.319
581.	Chi nhánh Công ty TNHH Lixil Việt Nam tại Hưng Yên	Đường N4, khu B, KCN Phố Nối A, xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất sứ vệ sinh cao cấp	1.287
582.	Công ty Cổ phần NPG - Hưng Yên	Xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất gạch ốp lát các loại	2.479
7. Tỉnh Nam Định				
583.	Công ty TNHH Viet Power	Thôn Nguyễn Đào, xã Hải Tân, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định	Sản xuất giày dép	1.274
584.	Công ty Cổ phần Dệt may Sơn Nam	Số 63 Nguyễn Văn Trỗi, phường Trần Quang Khải, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định	Sản xuất sợi	1.480
585.	Công ty Cổ phần Dệt lụa Nam Định	Số 4 đường Hà Huy Tập, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định	Sản xuất vải dệt thoi	1.803
586.	Chi nhánh Tập đoàn Dệt may Việt Nam - nhà máy sợi Vinatex Nam Định	KCN Hòa Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu - sản xuất sợi	1.861
587.	Công ty TNHH Golden Victory Việt Nam	Thôn Đông Kỳ, xã Nghĩa Minh, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Sản xuất giày dép	5.781
588.	Công ty TNHH Youngone Nam Định	KCN Hòa Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	3.112
589.	Công ty Cổ phần TCE Vina Denim	KCN Hòa Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định	Hoàn thiện sản phẩm dệt	3.610

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
590.	Công ty TNHH Giầy Amara Việt Nam	Khu Song Khuê, thị trấn Cổ Lễ, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định	Sản xuất giày dép	5.407
591.	Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Nam Định	Số 43 Tô Hiệu, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	11.026
592.	Công ty TNHH Dream Plastic	Xóm 10, xã Trực Thái, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định	Sản xuất sản phẩm từ nhựa	3.396
593.	Công ty Cổ phần Dây lưới thép Nam Định	Số 67 Nguyễn Văn Trỗi, phường Trần Quang Khải, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định	Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu - Sản xuất dây lưới thép	1.692
594.	Công ty TNHH Thắng Lợi	Số 5, đường N1, cụm công nghiệp An Xá, tỉnh Nam Định	Đúc thép chịu nhiệt, thép chế tạo, gang đúc	1.458
595.	Công ty TNHH Kim khí Anh Tú	KCNTT Đồng Côi, thị trấn Nam Giang, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	3.686
8. Tỉnh Thái Bình				
596.	Công ty Cổ phần Đầu tư và thương mại Vũ Đăng	Cụm công nghiệp Đông Phong, xã Đông Phong, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Sản xuất sợi, dệt	1.086
597.	Công ty TNHH Creative Source Việt Nam	Lô CN2&CN3, cụm công nghiệp Minh Lãng, xã Minh Lãng, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	Sản xuất giầy dép	1.451
598.	Công ty TNHH Thương Mại dệt may An Nam	Lô 10.7, đường Nguyễn Đình Chính, tổ 37 phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Sản xuất công nghiệp	1.069
599.	Công ty TNHH sợi dệt Hương Sen Comfor	Tầng 4, số 18, phố Trần Thái Tông, phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Sản xuất sợi, dệt	2.602

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
600.	Công ty TNHH TAV	Lô A4 KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Sản xuất hàng may mặc	1.194
601.	Công ty Cổ phần sản xuất xơ Polyester Thái Bình	Số 102, khu 3, thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Sản xuất sợi	1.662
602.	Chi nhánh Công ty TNHH Sao Vàng tại Quỳnh Phụ	Cụm công nghiệp Quỳnh Côi, xã Quỳnh Mỹ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	Sản xuất giày dép	1.477
603.	Công ty TNHH Hợp Thành	Lô A2, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Sản xuất hàng may mặc	1.514
604.	Công ty Cổ phần dệt sợi Dam San	Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Sản xuất hàng may mặc	1.576
605.	Công ty Cổ phần Bitexco Nam Long	Lô A2, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Sản xuất hàng may mặc	1.928
606.	Công ty Cổ phần Sợi EIFFEL	Lô 159/14 KCN Gia Lễ, xã Đông Xuân, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Sản xuất sợi	1.939
607.	Công ty TNHH dệt nhuộm xuất khẩu Thăng Long	KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Sản xuất hàng may mặc	5.544
608.	Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại quốc tế Minh Long	Phường Hoàng Diệu, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Sản xuất may mặc	3.845
609.	Công ty Cổ phần Sợi Trà Lý	Số 128 Lê Quý Đôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Sản xuất hàng may mặc	1.607
610.	Công ty TNHH U-Li Việt Nam	Lô CN3, KCN Sông Trà, xã Tân Bình, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ	1.259

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
611.	Công ty TNHH công nghiệp Tactician	KCN Phúc Khánh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Sản xuất công nghiệp khác	1.429
612.	Công ty TNHH may Texhong Thái Bình	KCN Phúc Khánh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Sản xuất công nghiệp khác	1.953
613.	Công ty TNHH Công nghiệp Sheng Fang	KCN Phúc Khánh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Sản xuất cơ khí	1.837
614.	Công ty Cổ phần Công nghiệp ngũ kim Fortress Việt Nam	Lô B8, B9, B10, KCN Phúc Khánh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Sản xuất dao kéo, đồ kim loại	1.819
615.	Công ty Cổ phần gạch ốp lát Thái Bình	Xã Đông Lâm, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình	Sản xuất công nghiệp	2.294
616.	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Đức Quân	KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Sản xuất công nghiệp khác	1.033
617.	Công ty TNHH Sản xuất kinh doanh sứ Hảo Cảnh	KCN xã Đông Cơ, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình	Sản xuất công nghiệp	1.575
618.	Công ty hóa chất mỏ Thái Bình - MICCO	Thôn Tây Sơn, xã Vũ Chính, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Sản xuất công nghiệp	4.466
619.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn - Nhà máy Viglacera Thái Bình	KCN Tiền Hải, xã Đông Lâm, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình	Sản xuất công nghiệp	1.741
620.	Công ty Cổ phần Videcor	Nhà bà Huyền, tổ 14, phường Hoàng Diệu, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Sản xuất công nghiệp	4.552
621.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Kỹ thương Thiên Hoàng - Nhà máy gạch men Mikado	KCN xã Đông Lâm, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình	Sản xuất công nghiệp	1.010

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
622.	Công ty TNHH thép đặc biệt Shengli Việt Nam	KCN Cầu Nghìn, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	Sản xuất công nghiệp	31.750
623.	Công ty Cổ phần tập đoàn Hương Sen	Số 18, Trần Thái Tông, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Đồ uống, nước giải khát	1.017
9. Tỉnh Vĩnh Phúc				
624.	Công ty TNHH sản xuất hàng may mặc Việt Nam	KCN Bá Thiện 2, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc	Sản xuất trang phục	2.036
625.	Công ty TNHH Kohsei Multipack Việt Nam	Lô C, KCN Bình Xuyên, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc	Sản xuất sản phẩm từ cao su và nhựa	1.215
626.	Công ty TNHH Vina Union	KCN Bá Thiện 2, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	1.379
627.	Công ty TNHH DST Vina	KCN Bá Thiện 2, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc	Sản xuất sản phẩm từ nhựa	2.920
628.	Công ty hữu hạn công nghiệp Lâm Viễn Vĩnh Phúc	KCN Khai Quang, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	1.012
629.	Công ty hữu hạn công nghiệp rèn dập VietSheng	KCN Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	1.087
630.	Công ty TNHH Piaggio Việt Nam	KCN Bình Xuyên, thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc	Sản xuất mô tô, xe máy	2.400
631.	Công ty ô tô Toyota Việt Nam	Phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	Sản xuất xe có động cơ	2.916

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
632.	Công ty sản xuất phanh Nissin Việt Nam (Nay là Công ty TNHH HITACHI ASTEMO VĨNH PHÚC)	Xã Quất Lưu, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc	Sản xuất phanh ô tô, xe máy	4.140
633.	Công ty TNHH Sekonix Vina	KCN Bá Thiện 2, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc	Sản xuất máy chuyên dụng khác	4.478
634.	Công ty TNHH thương mại Khánh Dư	Xã Đồng Văn, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc	Gia công cơ khí, xử lý tráng phủ kim loại	7.082
635.	Công ty TNHH Công nghiệp chính xác Việt Nam 1	KCN Khai Quang, Phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	6.533
636.	Công ty Honda Việt Nam	Phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	Sản xuất mô tô, xe máy	13.140
637.	Công ty TNHH Compal Việt Nam	KCN Bá Thiện, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy tính	3.554
638.	Công ty TNHH DKT Vina	KCN Khai Quang, Phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	Sản xuất linh kiện điện tử	1.681
639.	Công ty TNHH Daeduck Việt Nam	KCN Bá Thiện, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc	Sản xuất linh kiện điện tử	1.698
640.	Công ty TNHH Actro Vina	KCN Bá Thiện 2, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	1.828

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
641.	Công ty TNHH Optrontec Vina	KCN Bá Thiện 2, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc	Sản xuất linh kiện điện tử	3.003
642.	Công ty TNHH Nanos Việt Nam	KCN Bá Thiện 2, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2.791
643.	Công ty TNHH Interflex Vina	KCN Bá Thiện, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc	Sản xuất linh kiện điện tử	2.187
644.	Công ty TNHH UJU Vina	Số 55, Lô CN12, KCN Khai Quang, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	Sản xuất linh kiện điện tử	2.884
645.	Công ty TNHH Vina Newflex	KCN Bá Thiện 2, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc	Sản xuất linh kiện điện tử	2.751
646.	Công ty TNHH Solum Vina	KCN Bá Thiện 2, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc	Sản xuất linh kiện điện tử	3.583
647.	Công ty TNHH Jahwa Vina	Lô CN10, KCN Khai Quang, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	Sản xuất linh kiện điện tử	3.686
648.	Công ty TNHH Power Logics Vina	KCN Khai Quang, Phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	Sản xuất linh kiện điện tử	4.817
649.	Công ty Cổ phần Cammsys Việt Nam	KCN Bá Thiện, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc	Sản xuất linh kiện điện tử	5.304
650.	Công ty TNHH Diostech Vina	KCN Bình Xuyên II, xã Bá Hiến, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc	Sản xuất linh kiện điện tử và dụng cụ quang học	5.690
651.	Công ty TNHH Haesung Vina	Lô CN7, KCN Khai Quang, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	Sản xuất linh kiện điện tử	8.565
652.	Công ty TNHH BHFLEX Vina	KCN Khai Quang, Phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	Sản xuất linh kiện điện tử	12.715

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
653.	Công ty TNHH Partron Vina	Lô 11, KCN Khai Quang, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	Sản xuất linh kiện điện tử	11.714
654.	Công ty TNHH Thụ Ngọc Hằng	Thôn 1, làng Đồng Lạc, xã Đồng Văn, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc	Đúc sắt thép	1.680
655.	Công ty Cổ phần thép Trường Biện	KCN Đồng Văn, xã Đồng Văn, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc	Đúc sắt thép	2.214
656.	Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Thép Việt Nga	Xã Đồng Văn, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc	Đúc sắt thép	3.185
657.	Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Nam	Huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc	Đúc sắt thép	5.678
10. Tỉnh Ninh Bình				
658.	Công ty TNHH sản xuất giày Chungjye Ninh Bình Việt Nam	Cụm công nghiệp Khánh Nhạc, xã Khánh Nhạc, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình	Sản xuất, gia công giày dép xuất khẩu	1.001
659.	Công ty TNHH Giầy Athena Việt Nam	Cụm công nghiệp Yên Lâm, thôn Đông Đoài, xã Yên Lâm, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình	Sản xuất da, giày dép	4.093
660.	Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại Lam Giang	Km3, đường 1A, phường Ninh Phong, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình	Sản xuất sợi	4.520
661.	Công ty TNHH Giày Adora Việt Nam	KCN Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình	Sản xuất da, giày dép	4.649
662.	Công ty TNHH May Nienhsing Ninh Bình	KCN Khánh Phú, tỉnh Ninh Bình	Sản xuất hàng may mặc	53.642

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngành nghề/Loại hình kinh doanh	Tiêu thụ năng lượng (TOE)
663.	Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	Xã Ninh An, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình	Sản xuất hóa chất và phân bón	22.967
664.	Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	KCN Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình	Sản xuất phân đạm Urê	323.942
665.	Công ty TNHH Long Sơn	Lô C21 KCN Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình	Sản xuất ắc quy	1.311
666.	Công ty Cổ phần sản xuất ô tô Hyundai Thành Công Việt Nam	KCN Gián Khẩu, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình	Lắp ráp ô tô	5.522
667.	Công ty TNHH MCNEX VINA	KCN Phúc Sơn, phường Ninh Sơn, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình	Lắp ráp Camera modul	10.767
668.	Nhà máy cán thép chất lượng cao Tam Điệp (Công ty TNHH Thép Kyoei Việt Nam)	KCN Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình	Sản xuất thép xây dựng	5.522
669.	Công ty TNHH Chang xin Việt Nam	Lô C12 KCN Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình	Sản xuất và sơ chế phôi kim loại	6.431
670.	Công ty Cổ phần thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao	Phường Trung Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình	Kinh doanh chế biến rau củ quả	1.799

(Xem tiếp Công báo số 203 + 204)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng